TRI TÂN

TẠP CHÍ VĂN HOÁ

RA HÀNG TUẦN

Tòa báo và nhà in : 70, phố Bạch-Mai
Ty trị-sự : 195, phố Hàng Bông — Hanoi

TRONG SỐ NÀY :

* Cho tiếng ta được phong-phú và thuần-túy ? *Hoa-Bằng*
* Quyển « Thi-văn bình chú » (II) *Nguyễn-văn-Tố*
* Hội đền Hùng *Nguyễn-văn-Bích*
* Cách ứng-dụng cái phương-pháp kia (III) *Nguyễn-trọng-Thuyết*
* Phòng triển-lãm của Hội Việt-Nam mỹ-nghệ *Nguyễn-văn-Tị*
* Thanh-danh viện Hàn-lâm Pháp *Nguyễn-đan-Tâm*
* Vấn-đề bình-luận *Nguyễn-đình-Thi*
* Những ông nghè triều Lê (L) *Ưng-Hòe*
* Tra nghĩa chữ nho (XXIX) *Nguyễn-văn-Tố*
* Vấn-đề dịch sách (III) *Đỗ Thúc*
* Tống-Phúc Đạm *Nguyễn Triệu*
* Vấn-đề quốc-văn *Ưng-Trình*
* Đêm hội Long-trì (Tiểu thuyết, XIII) *Nguyễn-huy-Tưởng*

Năm thứ ba — Số 90
Thứ năm, 8 Avril 1943

0$20

Góp chút kiến-giải vào từ-ngữ học

PHẢI LÀM CÁCH NÀO CHO TIẾNG TA ĐƯỢC PHONG-PHÚ VÀ THUẦN TÚY ?

HOA-BẰNG

TIẾNG nam hiện nay đang lúc bồ-ạt tiến-triển, như luồng nước đương chảy mạnh, gặp đâu xô đấy. Vẫn biết bây giờ chưa thể lấy lực-lượng một người hay một đoàn-thể mà đương đầu với cái sức xung-kích ấy của nước được.

Nhưng muốn cho nó thuận chiều, xuôi lối, ta cũng nên cùng nhau dẫn đạo nó cho phải đường để tránh cái nạn quặt dọc, vùng ngang, tung-tóe, lụt-lội, làm trái cái tính tự-nhiên của nó và khó cho những người đi tới sau này.

***

Gần đây, tôi thấy có một số nhà văn, khi cầm bút viết văn xuôi, thường hay đảo ngược những tiếng kép trong một trường-hợp không cần :

Tiếng tăm đảo lại làm *tăm tiếng* ;
Tối tăm đảo lại làm *tăm tối* ;
Nghĩa hiệp đảo lại làm *hiệp nghĩa*...

Tại sao có sự cầu kỳ ấy ? Có lẽ người viết tưởng làm như vậy là mình đã đi được đến một chỗ mới mẻ, khác người ?

Tưởng vậy là lầm. Vì lối khiên-cưỡng ấy, người ta đã làm trái ngược mất cái tự nhiên của tiếng nam và tiếng hán-việt.

Văn ta bây giờ, vì dựa theo văn pháp, rất được lượng thứ trong trường-hợp này : khi viết thơ, ca hoặc bài đàn ghép vào âm-nhạc, tác-giả nó được phép đảo ngược một vài tiếng kép trong bài văn để cho hợp với âm điệu của văn vần hoặc thể-cách tiết tấu của nhạc-chương, khiến khi đọc lên, miệng thuận, tai êm, không giảm mất giá-trị về mặt nhạc điệu.

Văn xuôi không nên rộng hưởng cái đặc cách « đảo ngược » ấy.

Trong tiếng nam, phàm những tiếng kép nào — không cứ là danh-từ, hình dung-từ, trạng-từ hay động-từ — hễ thấy khi nó đứng tách làm tiếng một mà vẫn có nghĩa thì dù viết văn xuôi, cũng rất có thể đảo lên lộn xuống trong khi khu khiển sử-dụng. Nhưng nếu nó là những « tiếng đệm » mà chữ đứng sau đó chỉ là một tiếng giống loại tiếp-vĩ ngữ (suffixe) của văn tây thì không nên đảo ngược lại, vì người ta không nói *đêm tối canh « tăm »*, hay là *nổi tiếng lừng « tăm »* bao giờ. Vậy dựa vào cái nguyên tắc ấy, ta thấy chữ « tăm » trong những tiếng *tối-tăm* và *tiếng-tăm* chỉ là một chữ dính sau và phụ theo cũng như những chữ *sẽ* trong tiếng *sạch-sẽ*, *lụng* trong *làm-lụng*, *lách* trong *viết-lách* mà thôi.

Nếu cứ cố ý đảo ngược những tiếng *tối tăm* làm *tăm-tối*, *tiếng-tăm* làm *tăm-tiếng*, thì người ta cũng có thể đảo *sạch-sẽ* làm *sẽ-sạch*, *làm-lụng* làm *lụng-làm* và *viết-lách* làm *lách-viết* ư ?

Còn hai chữ « nghĩa - hiệp » nguyên là một tiếng hán - việt, nó đã quen dùng và phổ thông cũng như *anh-hùng* và *hào-hiệp* đã được quen dùng và phổ thông lắm rồi. Vậy trong khi viết văn xuôi, không bị bó-buộc như văn vần, sao người ta cũng cầu kỳ mà đảo ngược lại ? Đảo ngược lại là « hiệp nghĩa », thật ra, chẳng được lợi gì, mà trái lại, chỉ có cái hại là : làm lộn-xộn cái luật tự-nhiên của tiếng hán-việt ! Vì viết là *hiệp nghĩa*, thì khác-nào như nói *hùng anh*, *hiệp hào*, chẳng còn đếm xỉa đến quy-luật dùng chữ, luyện chữ gì cả. Thế thì sao gọi là làm văn nữa ?

***

Một bạn thân của tôi cố ôm cái chủ trương này : Không muốn cho việt-ngữ trộn lẫn những tiếng lai như « *xà-lách*, *sâm-banh*, giày *giôn*, cái *tách* chẳng hạn.

Tôi lại nghĩ khác : Nếu tiếng lai nào đã việt-hóa một cách gọn-gàng thì ta cũng nên dùng cho rộng tiếng và được việc, miễn ta biết lựa-lọc và sử-dụng cho khôn-khéo.

Bạn tôi có ý trông xa về sau muốn cho tương-lai của việt-ngữ sẽ đi đến bước cực kỳ thuần-túy. Cái chủ-trương đó không phải không cao. Nhưng thiết tưởng Việt-ngữ ngày nay đương như một nhà mới làm đồn-điền phải cần có nhiều lương-thực. Cứ tra lốc, cứ cấy ba giang cho đủ ăn trước đã, rồi sẽ nói đến chuyện gặt gieo cánh và tám thơm sau. Tôi nói thế là đã ngụ ý : đồng thời ta phải nhổ cỏ lùng cho lúa lên rồi.

Tôi có hỏi lại bạn: « Không muốn kêu thứ rau riếp của tây là *xà-lách*, thế bạn muốn người ta kêu nó là gì » ?

Bạn tôi mạnh bạo đáp: « Gọi là *rau riếp trắng*. »

Tôi không đồng ý.

Theo ý tôi thì đương buổi năm châu chung chợ, bốn biển liền nhà này, sự trao đổi văn-hóa là một món rất cần không thể thiếu được. Một khi vì quân-sự, vì buôn bán, vì ngoại-giao, vì tôn giáo..., một nước đã tiếp-xúc với nhiều nước ngoài, thế nào cũng phải có sự « nhập cảng » món ngôn-ngữ ngoại lai. Chính lịch-sử từ-ngữ của Pháp, của Nhật đã làm chứng cho cái công-luật ấy.

Tiếng pháp, ngoài phần thâu-thái của La-tanh, Hy-lạp, còn nhặt lượm cả nhiều tiếng của Anh.

Tiếng nhật, chẳng những trộn lẫn nhiều tiếng hán-âm, ngô-âm, mà lại nhật-hóa cả nhiều tiếng âu-tây nữa.

Tiếng nam chúng chạ với tiếng pháp hàng ngót thế-kỷ nay, lẽ tất nhiên có nhiều tiếng pháp lẫn vào và đã việt-hóa.

« Xà-lách » là một thứ rau sống, lá hơi tròn, sắc nhạt xanh, phớt trắng, từng tàu úp xát với nhau như kiểu kết bẹ của cây cải bắp, ròn và ngon hơn rau riếp là thứ rau sống cố-hữu của ta: tàu dài, lá xanh đậm. Khi ta đến các hàng rau, hỏi mua thứ « xà-lách » kia thì ai cũng hiểu ngay hơn kiểu kêu là « rau riếp trắng » như ông bạn tôi đã quá nghiêm-khắc.

Chỉ vì chỗ dị đồng về từ ngữ ấy, chúng tôi mỗi khi gặp nhau, thường hay tranh luận. Rút cục, bạn tôi cũng như tôi, không ai chịu thừa nhận những kiến-giải của ai cả.

Chẳng dè, có một lần, bạn tôi, vì đau, phải vào nằm nhà-thương; tôi liền đùa:

— Tại anh không chịu thừa nhận những tiếng lai trong việt-ngữ, nên người ta muốn cho anh vào nhà-thương để phải nhận thêm một tiếng « ma-lách » nữa.

« Ma-lách » ? Tiếng này, khi việt-hóa, tuy không hay bằng tiếng « xà-lách », nhưng không phải không dùng được trong những trường-hợp đặc-biệt như: hoặc viết phóng-sự về nhà thương, hoặc tả ngữ-khí của người gác trong bịnh-viện ở một thiên tiểu-thuyết nào đó. Như thế nó cũng được việc, miễn ta phải biết khéo dùng. Vì một khi dùng đến tiếng « ma-lách » ấy thì người đọc có một cảm-giác biết ngay đó là người ốm nằm ở nhà-thương công-cộng, rất dễ phân-biệt với hạng bịnh-nhân nằm ở nhà riêng.

Dẫu vậy, trong văn-chương, ta cũng cần phải dè-dặt, chỉ nên dùng những tiếng lai nào thuần-nhã, chứ đừng lạm-dụng, quá tham đến nỗi làm cho việt-ngữ không thuần túy.

***

Cùng trong số báo này, chúng tôi đang cả bức thư của cụ Ưng-Trình để thêm một luận điệu về vấn đề quốc-văn (xin coi ở trang 20-21). Tựu-trung tôi có dị đồng với cụ Ưng-Trình ở một vài điểm, vậy xin mạo muội bày tỏ ra đây để thỉnh giáo cùng cụ và chất-chính cùng các bậc cao minh trong nước:

Trong thư cụ nói về tiếng « cho nên » mà chỉ viết là « nên » thì thiếu chữ « cho ».

Xin thưa: những tiếng như « nên chi » hay « cho nên » mà bây giờ thường viết gọn là « nên » ấy thật đã dùng quen lắm rồi, ai cũng có thể hiểu được.

Hiện nay, những ngòi bút mạnh-bạo còn hay bỏ bớt chữ « là » trong tiếng « nghĩa là » hay « nhất là » nữa. Ban đầu tuy thấy hơi ngượng và hình như thiếu-thiếu, nhưng dùng lâu thành quen, chung sẽ chung một cái luật như:

Tức là, có thể bỏ bớt « là » mà viết gọn là « *tức* »; *Miễn là*, có thể bỏ bớt «là» mà viết gọn là «*miễn*».

Xin cử vài câu làm lệ:

1) Thành Thang-long, *tức* Hà-nội ngày nay, có nhiều dấu-vết quan-hệ đến lịch-sử.

2) Đối với các tài-liệu trong sử cũ sách xưa, ta phải nhặt rộng tìm nhiều *miễn* ta phải biết lựa chọn mà dùng thì mới được việc.

Như vậy, dù không viết « tức *là* » hay « miễn *là* » đi nữa, câu văn vẫn sang-sửa dễ hiểu. Thế thì khi thấy bỏ chữ « là » cũng không nên cho là thiếu được.

Rồi đây, những tiếng như « nhất *là* » và « nghĩa *là* » mà chỉ viết gọn là « nhất » là « nghĩa » cũng sẽ có thể được nhìn nhận theo cái lệ đã nói trên đó.

Hai tiếng « cho nên » mà rút gọn là « nên » ấy, tôi thấy bây giờ đã thông dụng lắm rồi. Vậy thiết tưởng không nên theo nghiêm-cách mà kể là thiếu nữa.

Còn mấy tiếng « sông Ngân-hà » mà cụ Ưng-Trình cho là thừa chữ « hà »: tôi rất đồng ý. Nhưng tùy từng trường-hợp, ta cũng nên rộng dung mà đừng câu-thúc quá. Vì tiếng ta là thứ tiếng đơn âm giống Tàu ở chỗ âm-điệu và lối bằng trắc, lại giống Pháp ở chỗ đặt chữ trong một câu.

(*Xem tiếp trang 23*)

QUYỂN THI-VĂN BÌNH-CHÚ

Số 2

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

II.— Nguyễn-công-Trứ

Bài nói về cụ Nguyễn-công-Trứ cũng nhầm nhiều lắm. Ngay trang đầu ông Ngô Tất-Tố chép cụ « sinh năm Mậu-tuất tức là năm thứ 26 hiệu Cảnh-hưng nhà Lê ». Năm mậu-tuất 1778 thì đúng, hiệu Cảnh-hưng thứ 26 thì sai, vì năm mậu-tuất chính là năm 39 hiệu Cảnh-hưng (1778), mà năm 26 là năm ất-dậu 1765.

Đến hành-trạng của cụ, nhầm sót những chỗ nào, tôi đã dịch một bài ở dưới này, để ai muốn khảo cứu về danh-nhân nước ta được thêm một ít tài-liệu chắc-chắn.

Văn thơ của cụ, ông Ngô Tất-Tố chép cũng sai : như bài *Hàn nho phú* có câu « Ngày ba bữa vỗ bụng rau bình-bịch » đối với « Đêm năm canh yên giấc ngáy o-o », ông Ngô Tất-Tố chép là « Ngày ba bữa *cỗ* », thì *cỗ* đối với *yên* làm sao được ? Ông chép « Miếng trầu têm vỏ mận vỏ đa » : chữ *đa* có lẽ nhầm, chính là chữ *dà* mới phải, vì vỏ dà là vỏ một loài cây màu đỏ dùng để nhuộm, cũng có nơi dùng để an trầu. Còn nhiều chữ nữa cũng sai như thế, tôi sẽ đăng dần vào mục *Tài liệu để đính chính những bài văn cổ*.

Đến chỗ chú-dẫn, tôi lấy chữ đầu là chữ « lục-cực », theo bộ *Ngũ Kinh tường thuyết* (quyển 2, tờ 39 a) và bộ *Khâm định Thư-kinh vựng toản* (quyển 1, tờ 35 b) giảng nghĩa như sau này, để độc-giả biết chỗ nhầm chỗ thiếu của ông Ngô Tất-Tố. Lục cực là sau điều rất xấu : một là chết phi mạng hoặc chết non (ông Ngô Tất-Tố chỉ nói là chết non thì thiếu nghĩa) ; hai là tật, nghĩa là nhiều bệnh (ông Ngô Tất-Tố dịch là cố-tật thì sai nghĩa) ; ba là lo buồn (không phải lo-lắng); bốn là nghèo ; năm là ác, nghĩa là mặt-mũi xấu-xí hoặc tính-nết hung-hăng (ông Ngô Tất-Tố chỉ nói là ác thì thiếu nghĩa) ; sáu là yếu-đuối.

Cứ kể còn nhiều chữ phải cắt nghĩa lại, nhưng kỳ này tôi để dành chỗ để đăng tiểu sử cụ Ng. công Trứ. Nhân thể tôi nhắc lại rằng tài liệu về văn-học-sử của ta, phần nhiều còn ở sách nho sách nôm, phận-sự người khảo cứu là lấy ở đấy ra mà dịch cho đúng, thì mới dẫn chứng được đích xác. Nay tôi lấy bộ *Đại Nam chính biên liệt-truyện* (nhị tập, quyển 20, tờ 6 b-11b) để góp thêm một phần tài liệu, tức như người Pháp gọi là thêm một viên gạch vào việc xây đài kỷ công các bậc văn học nước nhà.

« Nguyễn công-Trứ, người huyện Nghi-xuân, tỉnh Hà-tĩnh. Lúc nhỏ là người thẳng-thích (hiên-ngang) có khí-tiết. Năm thứ hai hiệu Gia-long (1803) vua Bắc tuần, ông do địa-vị áo vải (chưa thi và chưa làm quan) đến hành-doanh dâng mưu-kế. Năm thứ 18 (1819) thi hương đỗ giải-nguyên. Đầu niên-hiệu Minh-mạnh (1820) sung chức biên-tu Sử-quán. Năm thứ tư (1823) bổ tri-huyện Mỹ-hào, dần dần thăng chức tham-hiệp Thanh-hóa ; vì có tang cha, nghỉ chức quan. Vua Minh-mạnh nghĩ ông là người thanh-liêm giản-dị, sai đem cho một trăm lạng bạc. Khi hết tang, được bổ tham-tán quân-vụ ở Bắc-thành, rồi thăng thị-lang bộ Hình, quyền coi việc hình ở Bắc-thành. Năm thứ tám

VĂN-LIỆU TỪ ĐIỂN

Những thành-ngữ và từ ngữ của ta trong các thơ văn xếp đặt lại thành một pho từ điển, *rất tiện cho sự tra cứu trong khi đọc sách* và *nhất là cho các học-sinh học khoa quốc-văn trong các trường.*

của Long-Điền NGUYỄN VĂN MINH

Tựa của Cụ Đốc Ôn-Như NGUYỄN VĂN NGỌC

Sách khổ rộng 16 × 25 ngót 400 trang

Giá bán lẻ . . . . . 5$00

Vị nào gửi tiền đặt mua trước ngày 1er Mai 1943, xin biếu 10 % cước phí không phải chịu.

Những giáo-sư các trường công tư, đặt tiền mua trước từ 10 quyển trở lên xin biếu 20 % cước phí không phải chịu.

Thư và ngân phiếu xin gửi và đề rõ :

Ô. Quảng-vạn-Thành { *16, Phố Lê Lợi — HANOI*
51, Doumer — HAIPHONG

(1827) vua ban chiếu cùng với Tiền-quân thống quản là Phạm-văn-Lý, họp quân tiến đánh giặc cỏ ở Nam-định là Phan-bá-Vành. Trước kia giặc chiếm cứ bãi bể, cạy hiểm, họp tập thành đảng. Ông Nguyễn-công-Trứ bày mưu, đánh luôn, phá được. Vua bảo : « Nguyễn-công-Trứ là người gặp việc gì cũng nhận được đích-xác : thực không xấu-hổ với công việc Trẫm đã giao » Phan-bá-Vành bị bắt, vua xuống chiếu khen thưởng ban cho một cái núi con bằng ngọc trắng, một con ngựa bằng mã-não và một cái khánh vàng, rồi vời về triều.

« Trong niên hiệu Minh-mạnh do chức Hình bộ tả thị lang lĩnh chức Doanh điền sứ tỉnh Nam định. Trước kia, ông Nguyễn công Trứ dâng thư điều trần ba việc : một là nghiêm luật-pháp để tuyệt đảng giặc ; hai là phân minh việc thưởng phạt để khuyên quan lại ; ba là khai khẩn ruộng hoang để dân nghèo có nghề nghiệp. Vua giao đình thần bàn xem có nên thi hành không, rồi sai Nguyễn công Trứ sung chức Doanh-điền-sứ. Khi vào bệ kiến để cáo từ vua Minh-mạnh dụ rằng : « Các hạt Bắc thành đã dần yên, nên đưa dân đi làm ruộng. Phàm việc gì có thể vỗ trăm họ, hưng lợi trừ hại, cho tùy tiện thi-hành ». Ông Nguyễn công Trứ điều trần những công việc định làm, xin lấy số dân mộ được đi khai ruộng, chia ra từng ấp, lý, trại, giáp.

« Khi đến nơi, ông Nguyễn-công-trứ bắt đầu cho đi đạc một giải đất ở Tiền-châu, thuộc phủ Kiến-xương, tỉnh Nam-định, quân-cấp cho cùng dân, tất cả được 14 lý, 27 ấp, 20 trại, 10 giáp, đinh thì hơn 2.350 người, ruộng thì hơn 18.970 mẫu, xin lập làm một huyện, gọi tên là huyện Tiền-hải. Rồi lại khai-khẩn làng Ninh-cương và làng Hải-cát được 4 lý, 4 ấp, 1 trại, lập làm một tổng thuộc huyện Nam-chân. Khai-khẩn ở tổng Hoành-nha được 5 ấp, 2 trại, 3 giáp, cũng lập làm một tổng, thuộc huyện Dao-thủy. Còn nhà cửa, trâu cày và đồ làm ruộng, liệu lượng trích tiền kho cấp cho. Lại xin chỗ đất ven bể ở ngoài núi Hồng-lĩnh, thuộc phủ Yên-khánh, tỉnh Ninh bình, đo tất cả, rồi chia cho dân khai khẩn, được 3 lý, 22 ấp ; 24 trại 4 giáp, hơn 1260 người, ruộng hơn 14.600 mẫu lập thành một huyện, gọi là huyện Kim sơn ấp cho đồ dùng theo như lệ ở huyện Tiền hải. Chỗ nào đã thành ruộng bắt đầu nộp thuế, từ năm ấy ; còn bao nhiêu, đợi ba năm sẽ nộp thuế. Vua đều chuẩn lời tâu.

« Ông Nguyễn-công-Trứ lại nói hai huyện mới lập và các lang ấp, đều là tụ họp những dân lưu-di, chưa có tình liên-thuộc, xin định ra qui-ước : một là đặt học-điền (thục-xá điền), hai là đặt kho hàng xã (xã-thương), ba là cần việc dạy-dỗ, bốn là nghiêm việc cấm-phòng, năm là gắng sức khuyên-răn. Triều-đình cho là chưa nên làm vội, bèn thôi.

Tháng tư năm Minh-mạnh thứ mười (1829), ông Nguyễn-công Trứ vào Kinh phục mạng. Năm thứ mười-một (1830) thăng thự Hữu-tham-tri bộ Công, quyền coi ấn triện bộ Hình, rồi phải thiên xuống Hữu-thị-lang, sung làm việc Nội-các, lại bị lỗi giáng bổ Kinh-huyện, liền thăng Lang trung Nội vụ. Năm thứ 13 (1832) thăng thự bố-chính Hải-dương. Vua lại cho 200 lạng bạc, tỏ ý khuyến khích về việc liêm tiết, liền thang tuần phủ, quyền tổng-đốc quan phòng Hải an. Địa-hạt thuộc quyền ông, có bọn giặc, ông liền đem quân đi bắt, trong cõi được yên. Ông lại lưu ý đến việc đồn-điền, nghiêm cấm giặc bể, thường làm sớ tâu xin thi hành ».

(Còn nữa)

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN TỐ

Đã có bán

THI-HÀO

TAGORE

Một công trình khảo cứu rất giá trị của ông **Nguyễn-văn-Hai**. Bìa do họa sĩ **Nguyễn-văn-Mười** trình bày. Bạt của thi sĩ **Nguyễn-thiên-Thu**. Sách 400 trang in trên giấy bản dày. Giá 4$80

Nhà xuất bản **TÂN VIỆT** *đã dọn lại*

29, LAMBLOT — Hànội

Sách mới

Chúng tôi mới nhận được :

1·) NHÂN LOẠI TIẾN HOÁ SỬ do NGUYỄN BÁCH KHOA biên khảo, Hàn Thuyên xuất bản. Đây là một kho tài liệu quý giá. Sách in cỡ nhỏ, dày 208 trang, giá 1$80.

2·) CHU MẠNH TRINH của TRÚC KHÊ và TIÊN ĐÀM do Cộng Lực xuất bản. Đây là một quyển sách quý cho những ai muốn khảo rõ thân thế nhà văn hào cự phách về cuối thế kỷ thứ 19, đã làm vẻ vang cho nền văn học nước nhà. Sách dày 100 trang, giá 1$00.

3·) TUỔI THƠ NGÂY (sách hoa Mai số 27) của NGUYỄN NGỌC cũng do Cộng Lực xuất bản. Bìa rất đẹp, giá 0$15.

4·) VỆ SINH (bộ sách thường thức số III) của bác sĩ TRỊNH VĂN TUẤT soạn, do hội Truyền bá quốc ngữ xuất bản, giá 0$20.

Xin thành thực cảm ơn các nơi tặng sách và giới thiệu cùng bạn đọc. *T. T.*

Tùy hứng

HỘI ĐỀN HÙNG

Tháng ba giỗ tổ mồng mười,
Bắc, Nam, con cháu trông vời Hùng-Thao...
Hai mươi thế-kỷ đầu lịch-sử,
Họ Hồng-bàng truyền giữ nghiệp vua,
Mở mang xây dựng cơ-đồ,
Hồ-tôn tới Động-đình hồ bao la...
Kinh-dương-vương sinh ra Sùng-Lãm,
Cho cháu Rồng kết bạn con Tiên.
Trăm trai sinh hạ liền liền,
Người nơi Bắc lĩnh, kẻ miền Nam dương.
Mười tám vị Hùng-vương dựng nghiệp :
Đất Văn lang kế tiếp xưng hùng,
Vui thay sông Nhị núi Nùng,
Lạc hầu, Lạc-tướng nức lòng cần-vương.
Gái, tằm tang, Mỵ-nương kiều-diễm ;
Trai, Quan-lang, cung kiếm tập rèn.
Uy-quyền con nối, cha truyền,
Dạy dân chài lưới, canh điền hôm mai.
Thời thịnh-trị nơi nơi yên ổn,
Nước thanh-bình chốn chốn vui tươi...
Việt-thường đất tổ xa khơi,
Thương con bạch-trĩ phương trời đăm-đăm...
Xe Chu-Đán chỉ nam tiễn Sứ,...
Con thần-quy nhớ chủ đau lòng...
Đời vua thứ sáu họ Hùng,
Giặc Ân hung-mãnh đùng đùng kéo sang,
Tham tàn, lấp suối, bạt ngàn,
Thành nghiêng, đá lở, ngói tan, bất bình.
Có ngờ đâu Võ-ninh còn thịnh,
Đồng-thiên-vương bình định như chơi,
Giặc Ân khiếp tướng nhà trời,
Sóc-sơn bỏ vía, tơi bời, bỏ gươm. ...
Lại nhớ An-tiêm-vương mắc hại,
Chịu mệnh vua Nam hải đi đày.
Mình vàng lao khổ dạn dầy,
Mà lòng yêu nước càng ngày càng cao...
Vị tây-qua biết bao người chuộng,
Đảo Hải-nam đất ruộng phì nhiêu,
Ngày đi cơ-cực trăm chiều,
Ngày về xiêm mạng bao nhiêu uy hùng...
Pho tình-sử Long-cung Thần-lĩnh,
Ngàn trăm năm chưa định được tường,
Vị gì một ả Mị-nương,
Năm năm nổi hận thịt xương tận tình :
Sóng gió cả, Thủy-tinh dâng nước,
Những lăm le thắng được tình-thủ,
Nước mây, mây nước mịt mù,
Sơn-tinh sấm sét ầm ù đánh tan....
Mười tám đời, hai ngàn năm lẻ,
Giang-san này ai dễ gây nên?...
Hỡi ôi! chè rượu yếu hèn,
Lãng-xao việc nước uy-quyền theo mây!
Mây sầu mù mịt tỏa dầy
Thần-dân Nam-việt nhớ ngày giỗ chung.
Năm năm nhớ hội đền Hùng,
Nhớ ai sáng tạo muôn trùng nước non...

TRAN-VĂN-BÍCH

Cách ứng-dụng cái phương-pháp kia (III)

Cách xưng-hô các Hợp-tố có Ốc-o

NGUYỄN TRỌNG-THUYẾT

Các An-hy (sẽ đọc là An-ny) và các At-xit

Lệ thứ nhất. — Khi nào Oc-o hợp với một Nguyên-tố khác chỉ thành ra được một An-hy thôi thì người Pháp để cái âm *Ique* đằng sau cái tên của cái Nguyên-tố. Tỷ-dụ, Oc-o hợp với Ca-o (Carbone) nếu chỉ thành ra một An-hy thì người Pháp gọi là An-hy Ca-ich (Anhydride carbon-ique).

Theo tiếng an-nam mình thì không cần phải gọi như vậy, cứ để cái tên của Nguyên tố sau tiếng An-hy là rõ rồi. Vậy nếu Oc-o hợp với Ca-o thành ra có một An-hy, thì mình sẽ kêu là An-hy Ca o, hay là An-hy Ca (Cái âm O bây giờ nhớ rồi, không cần nhắc đến nữa).

Đặt tên như thế là hợp với phép đặt chữ trong câu an-nam rồi, rõ nghĩa rồi, khi hai danh từ đi liền nhau, theo mẹo an-nam, chữ đầu vẫn là danh-từ (chữ chánh) chữ sau thành ra tính từ (tiếng phụ nghĩa cho danh-từ).

Nhưng nếu muốn theo xát-xạt cách xưng hô của người Pháp, người Âu, hay của Vạn quốc, thì mình cũng có thể kêu An-hy Ca là An-hy Ca-ich, rút lại theo lối nói díu (contraction) thành An-ny kích, viết là An-hy-Cích.

Cách kêu các At-xít cũng thế, tuỳ theo nó ở An-hy nào mà ra. Tỷ dụ, nó ở An-hy Cích (Anhydride carbonique) mà ra, thì sẽ gọi là:

At-xít Cích (theo tiếng Pháp) hay là:

At-xít Ca (theo cách đặt câu của tiếng ta).

Lệ thứ hai. — Khi nào Ôc-o hợp với một Nguyên tô khác mà thành ra hai thứ An-hy thì thứ nào nhiều Ốc-o hơn, mình sẽ để âm Ich ở đằng sau tên Nguyên-tố; thứ nào ít Ốc-o mình sẽ để âm Ơ ở đằng sau tên Nguyên-tố. Tỷ dụ. Ôc-o hợp với Pho-o (phosphore) nếu chỉ thành ra có hai thứ An-hy thì thứ nhiều Ốc-o sẽ kêu là An-hy Pho-ich, rút lại thành An-hy Phich. Thứ ít Ốc-o, sẽ kêu là An-hy Pho-ơ, rút lại thành An-hy Phơ.

Cách xưng hô các At-xít cũng vậy. At-xít nào ở An-hy... ich ra, sẽ kêu là At-xít... ich.

At-xít nào ở An-hy... Ơ ra, sẽ kêu là At-xít... Ơ. Tỷ dụ: At-xít ở An-hy Phích mà ra thì kêu là At-xít Pích.

At-xít ở An-hy Phơ mà ra thì kêu là At-xít Phơ.

Thế, là muốn theo điệu tiếng Pháp, theo lệ của vạn quốc mà xưng-hô. Chớ không ai cấm mình dùng những cái hậu-âm (terminaisons khác, tỷ dụ như âm A, Ô, An, Ôn mình sẽ có những cái tên Hợp-tố như:

An-hy Pha — At-xit Pha
hay An-hy Phô — At-xit Phô
An-hy Phan — At-xit Phan
An-hy Phôn — At-xit Phôn

Hết âm đơn (voyelles simples) dùng đến âm kép, âm đụp (voyelles composées ou diphtongues et triphtongues), Hết âm đơn, kép, đụp, dùng đến vần ngược, Hết vần ngược dùng đến dấu giọng, có bao nhiêu An-hy, có bao nhiêu At-xit mà chẳng có tên để chỉ chúng! Có phải không dựa vào tiếng pháp thì không viết nổi Hóa học bằng tiếng ta đâu?

Về thời Lã-văn Dê (Lavoisier, theo điệu Mai-nương Lệ-cốt của Nguyễn-văn-Vĩnh) các nhà Hóa-học tưởng rằng Ốc-o hợp với một Nguyên-tố khách chỉ có thể thành ra hai An-hy thôi, nên họ chỉ đặt ra có hai cái lệ để đặt tên thôi, tưởng thế là đủ.

Không ngờ về sau Hóa-học tấn-đạt, mới biết rằng Ôc-o hợp với một Nguyên-tô có khi thành ra nam mười thứ An-hy, nam mười thứ At xít. Muốn cho An-hy nào có tên từ thời Lavoisier rồi thì cứ để nguyên, vì không thể mỗi khi tìm thấy một An-hy nào mới lại đặt tên lại cho tất cả những An hy đã biết, đã có tên rồi, — các nhà Hóa-học Âu-châu mới bày ra cái lệ thứ ba này:

Lệ thứ ba. — a) Nếu trong một họ (họ Pho-o, họ Ca-ô, họ Su-o, chẳng hạn) mà thấy một At xít nào ít Ốc-o hơn At-xít đằng sau có âm Ơ, thì sẽ để thêm cái vận Hy-bô (Hypo) lên trên cái tên của At-xít ơ.

Tỷ dụ: At-xit Hy bô Su-ơ (Acide hyposulfureux), nói rút lại thành At-xit Hy-bô Sơ.

Có At-xit Hy-bô Sơ, thì có lẽ có An-hy Hy-bô Sơ (Anhydride Hyposulfureux, un anhydride hypothétique).

Cái lượng vận Hy-bô nghe nó giòng dài; muốn gọn, an-nam mình sẽ thay cái độc vận Hốp chẳng hạn, Làm như vậy, mấy tên trên này nó sẽ thành ra:

At-xit Hôp-Sơ;

An-hy Hôp-Sơ.

(Còn nữa)

NGUYỄN TRỌNG-THUYẾT

PHÒNG TRIỂN-LÃM CỦA HỘI VIỆT-NAM MỸ-NGHỆ

NGUYỄN-VĂN-TỴ

Trong khi các họa-phẩm đó đang vượt bể sang Đông vì danh dự một nền văn hóa, ta lại được xem phòng Triển-lãm của Hội Việt Nam tại nhà Hát Lớn. Nếu các nghệ-sĩ đã cố công tạo nên những tác phẩm công trình để đem đi nước ngoài thì ở đây, công chúng lại thấy thiếu hẳn tác phẩm về cách bố cục lớn (grande composition) mà họa-sĩ đã dùng một thời-gian làm việc khá lâu. Ở đấy mới có thể tìm đúng giá-trị của một chân tài.

Nếu ta chưa thỏa mãn được về sự sáng tác hoàn hảo và công trình, ta cũng không đến nỗi thất vọng về cách tìm tòi trong hội-họa.

Nguyễn cao Thương nhìn vườn hoa, góc phố như một bầu đèn ngũ sắc. Hoa hiện rõ lên như ánh trang. Họa-sĩ mượn cảnh vườn hoa ban ngày để vẽ cảnh hoang-mang trong đêm tối. Ông sẽ tìm ra nhiều cảm giác hay hơn khi đã thoát hẳn cái vỏ âu-tây của Matisse hoặc của Waroquier. Cũng những hình ấy, cũng những sắc ấy, với lòng rung động thực thà, ông sẽ vẻ vang khi tìm ra cảnh riêng biệt của mình.

Họa-sĩ... Phúc trong hai bức sơn dầu đã khiến ta chú ý. Cái « đẹp » của ông không làm đẹp mắt, vui nhà, nhưng rất lạ lùng trong điệu ngồi của cậu bé tì tay xuống bàn. Cùng một quan niệm trong những tán cây quằn-quại in hình trên nền trời trắng bệch mà hàng cây lại mọc gần một cái nhà nghiêng nghiêng. Tranh ông thiếu màu và net (facture) nhưng tỏ ra ông biết nhìn với một khiếu riêng.

> **Người Đông-Pháp hãy sản xuất lấy các thứ mình cần và tiêu thụ những sản phẩm của Đông-Pháp.**

Trần văn Cẩn vẫn mơ-màng cảnh Huế êm-ả : Họa-sĩ hình như thơ thẩn trong lăng tẩm tịch mịch để đợi nghe « một bước đi » của khách hoài-cổ. Dù hội-họa không lẫn với văn-chương, nhưng hai bức Huế của họa-sĩ đã khiến ta cảm thông với một vài ý thuần túy của thơ ca.

Lương xuân Nhị đã tìm màu sáng và tươi hơn. Chỉ tiếc trong những bức mà hình và chất của sơn dầu không được gặp-gỡ để nhường cho nét vẽ tỉ mỉ hầu thành ẻo lả. Họa-sĩ sẽ thành công khi nét bút rộng-rãi, linh-hoạt tự-chủ được để điều-hòa với những phẩm và lượng mà họa-sĩ đã có sẵn từ lâu.

Lưu văn-Sin ít ỏi quá. Đâu là con đường đỏ của Bản-càng, màu lam núi trước nền trời chiều khi trước ? Không phải ta muốn họa-sĩ cho xem lại tranh cũ nhưng công chúng cần cái phẩm của những bức mới phải hơn thế nữa.

Đi xa hơn cả vẫn là Tô ngọc-Vân. Ông tới trình độ sơn dầu mà ít nghệ-sĩ Việt-Nam nào sánh kịp và đã đi trước cả cái thẩm mỹ quan của công chúng. Nhưng không sao ! Nghệ-sĩ đã rung động cả nét bút của các bạn xung quanh với một điệu khoan thai, óng ả của mình. Một nghệ-thuật khác lạ như thế hiến công chúng một vẻ đẹp không phải chỉ lấy có Tự-nhiên (la Nature) làm cứu cánh. Phải thêm vào cái thật của mắt mình nhận xét, một khối óc hay một chút ánh sáng của tài-năng...

Họa-sĩ đã hiểu cái uyển chuyển của « Nghệ-thuật » vì nghệ-thuật là một giòng sông không bến. Người ta chỉ có thể đến một đích nào đó, ngừng lại ngắm khúc sông đã qua để lại tiến lên chuyến nữa.

MÙA THI ĐÃ TỚI

* *Bạn nào có con em thi SƠ-HỌC YẾU-LƯỢC thì nên cho dùng :*

Tập bài thi bằng Sơ-học yếu-lược

hai ông Dương-quảng-Hàm và Dương-tụ-Quán in lại lần thứ 8 — Giá 0$75 — Cước 0$20.

Bạn nào có con em thi **Certificat** *thì cho dùng :*

Cent Rédactions corrigées

hai ông Trần-huy-Cơ và Nguyễn huy-Hoàng, in lại lần thứ 2 — Giá 0$85 — Cước 0$20.

Recueil de Dictées

Dương-q-Hàm, in lần thứ 3, giá 1$20, cước 0$30.

Đề cho hiệu sách ĐÔNG-TÂY,

195 Hàng Bông — HANOI

Họa-sĩ trước hết tìm cho hồn mình những cảnh vật khác nhau để tràn lan sự rung-động riêng qua cảm-giác của người xung-quanh. Họ phụng-thờ nghề đến nỗi không bao giờ dừng chân trên con đường tiến và không bao giờ tự hào rằng đã đến nơi. Khi mỗi thế hệ biến đổi, mỗi ảnh-hưởng của vũ-trụ tràn tới, họ đã chờ sẵn để thâu nhận rồi suy lý và tả ra bằng nét, bằng màu.

***

Riêng một nghệ-thuật ít được người mình chú ý: *tranh in do họa-sĩ khắc lấy*. Tranh in cần cho mỹ-thuật đến nỗi trong các phần thưởng La-mã (prix de Rome) ở Pháp phải có một phần riêng về ban khắc (gravure) cũng như về hội-họa, điêu-khắc, kiến-trúc và âm nhạc. Nghệ-sĩ chuyên môn về ban ấy vẫn được công chúng lưu ý đặc biệt. Về thế-kỷ thứ mười tám, mười chín, Hirosigé, Utamaro, Hokusai đã chẳng làm cho Tây-phương để ý đến mỹ-thuật Nhật-bản bằng tranh in đó ư?

Ở phòng Triển-lãm, ngoài một bản gỗ của họa-sĩ Trần đình Thọ, tôi không kiếm thêm được bức nào nữa. Thực đáng tiếc.

Một nghiên bút, cạnh một thiếu-nữ dưới dặng vây, một cảnh êm như ru tả đủ trong bức lụa của Phạm văn Đôn, họa-sĩ khéo đặt màu ngà phản ánh một chiều thu man-mác.

> **Điều luật cốt yếu và duy nhất của Chính-Phủ là làm việc công ích.**

Huỳnh văn Thuận (bức vẽ phác cảnh Du-lịch) đặt màu xanh, trắng, dễ-dàng trong một bầu không-khí trong mát ngày hè.

Văn-Giáo sẽ gắng công suy-nghĩ để « dầy » nhung tranh của họa-sỹ lên chút nữa. Một cái cột đen lênh-khênh với những giây điện ngang dọc trên mạn ngược cung không qua được mắt họa-sĩ ưa cảnh thực.

Ta không quên một bức lụa của cô Nguyễn thị Kim với một vẻ khả ái riêng. Nhưng sao cô không bày mấy tác-phẩm về điêu-khắc, môn học mà cô đang theo-đuổi?

Nguyễn Huyến mà ta được biết từ lâu vẫn thiết tha yêu những khối, những bắp thịt nở tròn như Rubens hay Delacroix. Muốn xem màu của họa-sĩ nên chờ đến phòng triển-lãm riêng thì hơn.

Trịnh Vân say-mê cảnh Lai-châu với mấy cô Thái ngây ngô cũng như Nguyễn Khang đã vẽ rất tinh-vi những quần áo, đồ dùng của người Mường trong một cảnh qua suối. Sơn ta của Nguyễn Khang riêng biệt vì bố cục giản-dị trong khi Mạnh-Quỳnh hết sức chăm-chú để làm nổi một đám rước sư-tử ban đêm...

Công-chúng không bao lâu sẽ được xem cuộc trưng bày của hội khai-trí, của Hợp-tác-xã Mỹ-thuật Đông-dương và rồi của trường Mỹ thuật nữa.

Đáng khen thay lòng dũng cảm của các họa-sĩ vẫn chăng đỡ, được với bao nhiêu khó-khăn thiếu-thốn hiện thời để giúp một phần vào nền văn-hóa Việt Nam hiện-đại.

NGUYỄN VĂN TỴ

Tissus locaux

ÉTABLISSEMENT CAO-DOT

Chuyên bán buôn và nhận đặt khoan các thứ hàng nội hoa như:

Douppion, Shan-tung, Faux, shangtung, Lin, Faux tropical-Tussor, Tussor demi soie, Toile de soie, de rayonne, Toile tailleur, bao tai dụng ngô, gạo, vân vân.

Nơi giao dịch:

Thơ bảo đảm và bưu phiếu xin gửi về cho M. Cao:

12 Rue Strasbourg

HaiPHONG

Muốn lấy mẫu, xin gửi 0$50 bằng timbre để làm cước phí.

MUỐN HIỂU ĐẾN NƠI ĐẾN CHỐN

MỘT DANH-TỪ, MỘT THÀNH-NGỮ, MỘT MÔN HỌC THUẬT

Các bạn cần phải đọc tập tài-liệu

BÁCH KHOA ĐẠI-TỪ-ĐIỂN

của Quốc-Học Thư-Xã

Đón coi tập: SỬ-HỌC của cụ Lại-Bộ PHẠM-QUỲNH

Trên đài văn-học Thế-giới

THANH-DANH CỦA HÀN-LÂM VIỆN PHÁP

Tri-Tân số 72, ra ngày 11 Novembre 1942, đã có bài của Phạm-mạnh-Phan nói về ban Văn học hội Khai trí Tiến-đức và nhắc qua lời của quan nguyên Tổng-trưởng bộ Thuộc-địa Paul-Reynaud đã vì hội Khai-trí Tiến-đức với Hàn-lâm viện bên Pháp.

Vậy lai lịch của Hàn-lâm viện Pháp ra sao, xin thuật lại dưới đây cùng bạn đọc để được rõ cái vinh-quang và sự thăng-trầm của một hội học lớn thành-lập đã hơn ba trăm năm nay.

NGUYỄN ĐAN-TÂM

Sự sáng lập, sự tổ chức và công việc của Viện

Giáo-chủ RICHELIEU để ý đến hội học của Conrart. — Hồng-y giáo-chủ Richelieu thường hay ham mê công-việc, thích sự tổ-chức, năm 1629, đã công-nhiên đứng bảo-trợ cho một hội văn thường họp ở phố Saint-Martin, tại nhà Valentin-Conrart, là một nhà bác-học thứ-danh và giầu có, làm cố-vấn và bí-thư cho Hoàng-thượng.

Trong hội bước đầu có độ ba chục người, ta thấy những ông Godeau, Serizay, Desmarets, Bois-Robert, Colletet, Racan ; sau dần thêm những ông Chapelain, Balzac, Voiture, Vaugelas ; hầu hết những mặt quen hay những chân cũ trong điện Rambouillet mà họ đã làm nức tiếng tăm để tôn giá-trị mình bằng tính-cách trang-trọng mạnh-mẽ trong văn-phẩm của họ : phê-bình những bản-thảo chưa xuất-bản, thảo-luận về văn-chương, chất nghi về văn-phạm, vân vân...

Nhưng họ thoái-thác hoài trước [illegible]i ưng nhận. Mãi đến Janvier [illegible]5 những điều-lệ mới của hội [illegible] được giáo-chủ Richelieu chuẩn-[illegible] và những công-thư (lettres [illegible]entes) thì do quan Chưởng-ấn [illegible]guier niêm cần.

Giáo-chủ tổ-chức công việc hội ra sao. — Một viên Viện-trưởng và một viên Chưởng-ấn thì cứ hai tháng gặp thăm bầu một lần : lần đầu Serizay và Desmarets trúng-cử, một viên bí-thư vĩnh-viễn được bầu là ông Conrart ; cái danh-hiệu được chọn là « Pháp-quốc Hàn-lâm viện » ; số hội-viên tăng lên 40 người. Còn nơi hội họp thường thay đổi luôn ; mãi tới năm 1672, sau Giáo-chủ Richelieu và Séguier, Hoàng đế Louis thập-tứ lên thay quyền bảo-trợ, có dành riêng cho một chỗ công-đường trong điện Louvre, ban tặng một thư-viện và tư-cấp cho một ngân-số.

Hồi Cách-mệnh chính-phủ và Đế-Quốc Chính-thể cũng không làm xuy-chuyển đi chút nào. Đến năm 1806, cả toà phải thiên-di qua bờ sông Seine là sáp-nhập vào điện Mazarin, cùng với Quốc-gia Học-viện Pháp, và lấy nơi giáo đường làm Hội-nghị.

Những công-trình của viện. — Từ lúc thành-lập, các nhân-viên trong viện thường hội-họp vào ngày thứ hai, và dần dà nghĩ đến sự ấn-định chương-trình và thời giờ làm việc. Đầu tiên toàn viện đồng ý mở những cuộc diễn-thuyết : Racan phản-đối khoa-học, Chapelain công-kích ái-tình. Nhưng công việc vẫn chưa vào đâu cả. Hội quay ra đảm nhận cái trọng-trách lập một tòa án để xét xử những tác phẩm văn-chương : tập tiểu-chú và phê-bình tuồng « Hiệp-Sĩ » (Le Cid) ra đời, khắp trong Triều và kinh thành không một ai hoan-hô, thành thử hội không dám nghĩ đến điều « tái phạm » nữa.

Cuốn Tự-điển. — Lâu dần hội nhận-chân thấy chức-vụ mình : là đem thí khảo những bút-ký của những hội-viên để tìm những luật-định và khuôn-mẫu cho ngôn-ngữ và văn-tự được tao-nhã. Sau cùng Chapelain nghĩ ra một công-trình mà cả 40 người cùng có thể hợp-tác để chải chuốt, điểm tô cho ngôn ngữ là cuốn Tự-điển. Ông thiết-lập chương-trình và mọi người bắt đầu làm việc dưới quyền giám-đốc của Vaugelas, một học-giả nổi danh về văn-phạm đã được mọi người kính-phục.

Thực là một việc kéo dài hàng năm, đủ sức cho 40 ông hội-viên trổ tài, hay ít ra cũng là một nguồn gốc không bao giờ cạn cho các ông quan-sát, thảo-luận và quyết-định. Chính sự phát triển của ngôn-ngữ này nhờ ở sự san-hành lần lượt những tập tự-vị, từ tập đầu xuất bản năm 1694 đến tập thứ tám, hiện nay vẫn còn ấn thành.

Bản chương-trình của Fénelon. — Hồi ấy toàn viện khi hiệu-chính lại tập tự-vị ra năm 1694 và sửa soạn tập 1718, có tự hỏi

và trưng cầu ý-kiến từng hội-viên một xem rồi sau nên làm những gì. Fénelon trả lời trong « lá thư cho viện Hàn-lâm », có dự-định một chương trình thêm vào việc làm Từ-điển là sẽ soạn một cuốn Văn-phạm, một cuốn Tu-từ học, một cuốn thi-ca, và những tập khai-luận về bi-kịch, hài-kịch và lịch-sử. Điều dự-định ấy không có kết-qủa. Chỉ riêng một cuốn « văn-phạm của Hàn-lâm viện » (Grammaire de l'Académie) được ra đời, nhưng phải chờ mãi đến năm 1932. Và người ta lại quay vào soạn bộ Từ-điển.

Các cuộc thi và giải-thưởng của Viện. — Ngoài việc cốt yếu làm Từ-điển, viện Hàn-lâm đến năm thứ hai-mươi lại làm thêm một công-trình để bổ túc là sự khuyến-khích nghề viết văn bằng cách phát thưởng hằng năm hay cách nhau hai ba năm một lần. Balzac thủ-xướng ra, năm 1654, việc đặt một giải-thưởng Diễn-thuyết văn-học ; Pelisson, năm 1699, đặt một giải về Thi ca ; Montyon, năm 1782, một giải về Văn-chương giáo-hóa, và còn tặng thêm vào đấy một phần thưởng về đức-hạnh. Nhân đấy nhiều hội học soi gương, nhưng chỉ riêng Hàn-lâm viện là cơ-sở vững vàng, tráng lệ hơn cả, vì nhiều món tiền tặng-dữ lớn lao các nơi sẵn lòng gửi về. Cuộc phát phần thưởng làm công-khai vào ngày lễ Saint-Louis, ngày lễ long-trọng nhất của Viện, vì là ngày lễ các vị Tiên Đế đã bảo-trợ và gây linh-hồn cho viện.

Lễ hoan-nghinh vào Viện Hàn-lâm. — Lễ hoan-nghinh, một lễ khác, đặt ra từ năm 1660. Thoạt tiên lễ này chỉ chuyên về những lời tán tụng công đức tiền nhân như Richelieu, Séguier, Hoàng-đế Louis thập-tứ, vị đương-kim Hoàng-đế và ngôi ba-chủ của toàn-viện hiện-thời, nhưng về sau, đến giữa thế kỷ XVIII, trở nên quan trọng nhất, vì lẽ có nhiên lẽ ấy cần thiết hơn cả.

Như vậy từ năm 1635 đến năm 1789, một thế-kỷ ruổi qua đi trong công việc yên lặng, đều hòa, mặc dầu có nhiều định-kiến lạt vặt khác nhau không thể tranh được và trong một hội học văn-nhã vào bực nhất có phẩm-giá cao hơn hết từ trước đến nay.

Mấy cuộc phế-hưng của Viện. — Toà án viện bị tan-tác trong thời Chính-phủ Cách-mệnh. Dưới hoi Cách-Mệnh tình-trạng của viện nhào đổ hết cả. Cuộc bầu-cử cuối cùng vào năm 1789 ; sau đấy Chính-thể Lập-pháp ra lệnh đình-chỉ không cho bầu người thế chân nữa. Trong viện chỉ còn 35 hội-viên chia làm hai phái : bọn tán-thành thời-cục như Condorcet, Bailly, La Harpe, Chamfort, và bọn phản-đối thời-cục chỉ khư-khư bảo tồn chính-thể cũ. Bọn sau này tản mác đi dần dần : có người sang nước ngoài làm ngoại-giao không trở về, có kẻ xuất-dương hay về ẩn-dật vào năm 1791-92.

Giờ phế bỏ. — Tuy nhiên, Hàn-lâm viện hãy còn đứng vững trong năm buổi họp nữa và mãi đến ngày 5 Août 1793 những hội-viên có mặt còn lại — chưa được 10 người — mới nhất định chia tay. Ba ngày sau Quốc-Ước Hội Nghị hạ lệnh bãi hết thảy các viện, các hội văn-học hay khoa-học do quốc-gia bảo trợ, và đóng cửa niêm-phong tất cả các hội-sở đã dùng và về sau còn tịch-thu hết cả các của cải.

Cuộc chấn-hưng bắt đầu cùng với Quốc-Ước Hội-Nghị — Tuy nhiên sự suy-đồi của các hội văn-học và khoa-học không thể kéo dài mãi được. Tháng Octobre 1795, Quốc-Ước Hội-Nghị tổ chức một Quốc-gia học-hội dựng ra để « thu nhặt những điều phát-minh, để chấn-hưng mỹ-nghệ và khoa-học ». Đoàn-thể mới chia ra từng ban, ban thứ ba chia làm hai tiểu-ban về Văn-phạm và Thi-ca, cũng gần như phương-pháp của Hàn-lâm viện cũ. Nhưng hội-viên thoát hiểm hồi năm 1793 lại được tái đăng vào viện là những ông : Sicard, Andrieux, M. J. Chénier, Ducis, Collin d'Harleville, Delille Fontanes : những ông này về sau chính là nguyên-điểm cho sự thiết-lập lại Hàn-lâm viện mới.

Đến năm 1803, hình sắc cũ của Hàn-lâm viện đã sống lại đôi chút. Quốc-gia học viện đã cải-cách lại, đặt thêm ban Ngữ học và Văn học Pháp, gồm có 40 hội viên. Phong-thể vẫn như cũ, chỉ khác có chức-vị là ban Số-học đứng đầu. Sau hết đến năm 1816, một sắc lệnh ban ra khôi-phục danh-hiệu cũ lại cho các ban trong Quốc-gia Học-viện và « Pháp-quốc Hàn lâm viện » được đặt lên đầu, vì là một hội học thâm niên nhất và được trả lại các điều-lệ.

Sự sinh-hoạt hiện thời của Viện

Công việc của Viện. — Những điều-lệ hiện nay không còn giống ngày mới thành-lập được mấy c[illegible]

Hàn-lâm viện gồm có một V[illegible] trưởng và một viên Thưởng An[illegible] lên trong ba tháng và một [illegible] tập viên đắc cử suốt đời gọi là thư vĩnh-viễn.

(Xem tiếp trang 21)

Triết học thường thức

VẤN ĐỀ ÌNH LUẬN

NGUYỄN-ĐÌNH-THI

KHI mới phát sinh, triết học có những mộng tưởng thật lớn lao vì những triết gia thời xưa muốn giảng nghĩa tất cả vũ trụ. Vũ trụ ở đâu mà ra? Chúng ta vì sao mà có? Vũ trụ là gì? Vũ trụ đi đến đâu? đó là những câu hỏi cựu truyền của huyền học.

Aristote đã xếp đặt những câu hỏi đó rất minh bạch: trong Tri Tân kỳ trước chúng ta đã có dịp nói đến ba câu hỏi sau đây:

1·) Vũ trụ là gì? Nguyên chất của vũ trụ, *bản chất* của vũ trụ là gì?

2·) Vũ trụ vì đâu mà có? Cái *nguyên nhân đầu tiên* đã tạo nên vũ trụ là gì?

3.) Vũ trụ đi đến đâu? Cái *mục đích cuối cùng* của vũ trụ là gì?

Kỳ này, ta xét qua đến những câu trả lời của các triết nhân xưa nay.

***

Nếu ta tóm tắt tất cả mấy vấn đề trên làm một, thì ta thấy rằng triết học phát sinh là do điều mâu thuẫn ẩn trong hai ý *động* và *tĩnh*. Bergson, triết gia Pháp nổi tiếng nhất thời nay, đã chỉ cho chúng ta thấy rõ điều đó.

Theo Bergson, trí khôn (intelligence) của chúng ta chỉ tưởng tượng được rõ rệt những gì đứng im mà thôi. Nhìn ra vũ trụ chúng ta chỉ nhận thấy những sự vật *riêng biệt* và *không thay đổi*: người ta khác với cầm thú, con bò khác con bò, chiếc lá trên cành khác hòn đá trên sườn núi. Vật nào là vật ấy, vật A không thể là vật B được. Người không thể là súc vật và súc vật không thể biến làm người. Cây cỏ lúc nào cũng chỉ là cây cỏ, chòm sao gấu lớn (gande ourse) lúc nào cũng giữ nguyên hình một chiếc xe bò vĩ đại. Tóm lại vũ trụ có tính cách *đồng nhất* (identique), nghĩa là lúc nào cũng giống lúc nào.

Nhưng người xưa lại nhận ngay thấy rằng vũ trụ luôn luôn thay đổi. Thì nhìn khắp nơi ở đâu chúng ta chẳng thấy những cuộc chuyển biến. Mérachite than rằng: « Người ta không bao giờ tắm hai lần ở cùng một dòng sông ». Cụ Ôn-như hầu thì chán nỗi « Bức tranh vân cẩu vẽ người tang thương ». Chúng ta tưởng hễ nằm yên một chỗ là yên thật. Nhưng trái đất trong khi ấy có nằm yên đâu. Vũ trụ lúc nào cũng chuyển biến, nghĩa là không lúc nào *đồng nhất* cả.

Nếu thế thì ta còn giảng nghĩa sao nổi vũ trụ nữa. Trong vũ trụ chứa một sự mâu thuẫn mà ta không thể công nhận được. Một là vũ trụ phải *động*, hai là vũ trụ phải *tĩnh*, chứ vũ trụ không thể vừa động vừa tĩnh, vì khắp chung quanh ta, cái gì đã đen là đen, đã trắng là trắng chứ không thể vừa trắng vừa đen. Chúng ta cũng vậy đã làm người thì là người chứ không thể vừa là người vừa là súc vật được.

Điều mâu thuẫn giữa hai ý động tĩnh đó đã khiến các triết gia đầu tiên nghĩ đến sự phân biệt *bên trong* với *bên ngoài*. Các triết nhân nói: ta thử xét đến một sự thay đổi: ví dụ sự thay đổi của cây bàng mà ta thấy ngoài kia. Cây bàng có thay đổi thật, nhưng lúc nào cũng vẫn là cây bàng. Bên trong những sự thay đổi có một cái gì không thay đổi: cái ấy ta tạm gọi là *bản thể* của cây bàng. Bên trong tất cả muôn vật cũng vậy, có một cái gì không thay đổi: đó là *bản thể* (substance) của vũ trụ.

Bản thể ấy có nhiều tính chất nhiều hình dạng, nhiều trạng thái: có thay đổi là chỉ những bề ngoài đó mà thôi. Triết học là khoa học biết nhìn thấy rõ như thế và biết vượt khỏi những bề ngoài để tìm tới tận « bản thể », và nghiên cứu xem bản thể ấy có những tính chất gì.

Song không phải ngay lúc đầu người ta đã dung hòa được hai ý động tĩnh trong cái bản thể kể trên. Các triết gia hy-lạp còn cãi nhau rất lâu trước khi tới được kết quả đó. Phái Zénon thì cho rằng vũ trụ chỉ có tính cách tĩnh mà thôi: Zénon tìm cách chứng minh rằng trong trời đất không có một cái gì chuyển-động hay biến đổi cả. Sau đây ta sẽ còn dịp nói đến học thuyết của Zénon. Phái Méraclite, trái lại, cho rằng vũ trụ chỉ có tính cách động. Méraclite thuyết minh rằng trong trời đất không một cái gì là im lìm, không chuyển biến.

Đến thế kỷ thứ 4 trước Thiên-chúa, Aristote mới kết liễu được cuộc tranh luận đó bằng cái « bản thể » của ông. Và khi đó thì vấn đề chính của triết học là tìm biết bản thể của vũ trụ. Triết học trước hết là một « *bản thể luận* » (ontologie). Bản thể luận đó chia làm hai phần:

1·) Phần thứ nhất nghiên cứu về vũ trụ, nghĩa là về tất cả những gì ở bên ngoài chúng ta: đó là *vũ trụ luận* (cosmologie). Câu hỏi chính của vũ trụ luận là: vũ trụ do vật chất hay tinh thần tạo nên?

2·) Phần thứ hai nghiên cứu về chúng ta, nghĩa là về con người. Người ta do vật chất hay tinh thần mà có? Linh hồn với thân thể có những giây liên lạc nào?

Ta nhận thấy rằng trong « bản thể luận » các triết gia phân biệt *vật chất* với *tinh thần*. Sự phân biệt đó, do hai ý động và tĩnh mà nảy ra. Vũ trụ có một bản thể, bản thể ấy có những bề ngoài, điều đó ta đã biết rồi. Nếu suy nghĩ thêm một chút, ta thấy ngay rằng cái bề ngoài luôn luôn thay đổi ấy chỉ có thể là vật chất, còn cái bề trong không thay đổi của sự vật, không khác gì linh hồn.

« Bản thể » chỉ là linh hồn của vũ trụ, nghĩa là tinh thần chứ không phải vật chất. Linh hồn loài người cũng vậy: đó là « bản thể » của chúng ta. Còn vật chất chỉ là bề ngoài chứa đựng bản thể đó mà thôi.

Bên sự mâu thuẫn giữa hai ý *động* và *tĩnh*, ta thấy hiện ra sự mâu thuẫn giữa *vật chất* và *tinh thần*. Hai sự mâu thuẫn đó, trải qua các thời đại, là hai vấn đề đã làm tất cả các triết gia lao tâm khổ tứ.

***

Nhưng sau khi Aristote đem « bản thể » của ông ra để dung-hòa động với tĩnh, vật chất với tinh thần, phần đông các triết gia đều không nghĩ đến hai sự mâu thuẫn đó nữa. Người ta cho rằng vũ trụ có một bản thể, và tìm biết bản thể ấy là công việc của triết học. Giản hoặc có một vài người dám nghi ngờ bản thể thì không ai chịu nghe cả.

Vì vậy suốt từ Aristote cho đến Kant, trải hai mươi hai thế kỷ, không triết gia nào là không tìm cách nghiên cứu về bản thể. Những nhời giải kể có hàng trăm, những học thuyết đếm không kể xiết. Người thì cho rằng bản thể của vũ trụ là nước, người thì cho là lửa, người thì cho là những tế bào, người thì cho là những con số. Đến khi Gia-tô giáo xuất hiện thì phần đông các triết gia đều cho bản thể của vũ trụ là một tinh thần siêu việt sáng láng vô song mà ta gọi là *Thượng đế*. Thượng đế chính là bản thể của vũ trụ vậy. Thượng-đế với vũ trụ không khác gì linh hồn với thân thể. Thượng-đế khác nào màu đỏ của trái táo đã chín, và vũ trụ khác nào trái táo ấy (Spinoza). Cũng có người cho rằng vũ trụ do những phần tử rất nhỏ tạo nên, trong những phần tử đó chỉ có tinh thần. Đó là học thuyết về đơn tử (monade) của Leibniz. Sau đây ta sẽ có dịp xét đến từng nhời giải đó một, cho được rành mạch hơn.

Nhưng hiện nay, ta đã có thể thấy rằng tất cả những học thuyết kể trên đều gián tiếp công nhận hai điều này, và công nhận một cách triệt để:

1· Điều thứ nhất là *trong vũ trụ có một bản thể* bất di bất dịch như ta đã nói;

2·) Điều thứ hai là *bản thể đó trí óc người ta có thể tìm tới được*.

***

Nhưng đến thế kỷ thứ mười tám, Kant, một triết gia người Đức, đặt lại hai câu hỏi trên, và dám nghi ngờ hai điều đã được công nhận triệt-để trong hơn hai mươi thế kỷ. Khi nghi ngờ như vậy, ông xoay hẳn triết học về một hướng khác. Bởi vậy Kant là một trong những triết gia có công nhất với nhân loại.

Trong cuốn « Thuần-túy lý-tính luận » (Critique de la raison pure) xuất bản năm 1781 Kant nói:

Từ xưa đến nay, triết học gián tiếp công nhận hai điều: một là trí óc chúng ta có thể biết được bản thể của vũ trụ, hai là trong vũ trụ có một bản thể bất di bất dịch. Bao nhiêu học thuyết xưa nay đều cho những điều đó là lẽ tự nhiên và không ai nghi ngờ hai « sự thật » kể trên. Chắc chắn như thế rồi, các triết nhân bạo dạn bước liều vào trong những vấn đề cao siêu như bản thể là gì? Nguyên nhân đầu tiên, mục đích cuối cùng của vũ trụ là gì? v... v... Người ta yên tâm tìm cách giảng nghĩa vũ trụ, nhưng không ai nghi ngờ cái « biết » của mình cả. Vì vậy, triết học nghiêng hẳn về phần « *lý* » mà những phần «*triết*». Các triết nhân chỉ biết đi tìm lý do của sự vật mà không phê bình cái biết của loài người. Triết học biến thành một thứ khoa học có những mục đích cao sâu hơn khoa học thường thức.

Nhưng nếu nghĩ kỹ hơn một chút, ta thấy ngay rằng trước khi tìm xem bản thể của vũ trụ là gì, ta phải giải quyết được vấn đề

(Xem tiếp trang 19)

BIA VĂN-MIẾU

NHỮNG ÔNG NGHÈ TRIỀU LÊ

Số 50

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

16 — Nguyễn-trí khoan, người làng Phan-xa, huyện Tứ-kỳ, phủ Hạ-hồng, tỉnh Hải-dương, đỗ đệ tam giáp đồng tiến-sĩ xuất-thân khoa mậu-tuất năm 1478, đời vua Lê-Thánh-Tôn. Làm quan đến thị-lang (chép theo bia Văn-miếu và sách *Đăng khoa bị khảo*, quyển Hải-dương, tờ 43 a).

17. — Nguyễn-Cối, người xã Hội am, huyện Vĩnh-lại, phủ Hạ-hồng, tỉnh Hải dương, đỗ đồng tiến-sĩ khoa mậu-tuất 1478. Làm quan đến tự-khanh (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Hải-dương, tờ 43 a).

18. — Nguyễn-tâm-Hằng, người xã Thái-thạch, huyện La-giang (đổi làm La-sơn), phủ Đức-quang, tỉnh Hà-tĩnh. Năm 45 tuổi đỗ đồng tiến-sĩ khoa mậu-tuất 1478. Làm quan đến tả-lý công-thần Lễ-bộ hữu-thị-lang (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 24 b. và *Đăng khoa bị khảo*, thu-tập trung, tờ 18 b).

19. — Lương-Vinh, người xã Cổ-bi, huyện Gia-lâm, phủ Thuận-an, tỉnh Kinh-bắc. Đỗ đồng tiến-sĩ khoa mậu-tuất 1478. Làm quan đến Binh khoa cấp-sự-trung (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Kinh-bắc, tờ 80 a).

20. Phí-Mẫn, người xã Cửu-[illegible]ao, huyện Gia-lâm, phủ Thuận-an, [illegible]nh Kinh-bac. Đỗ đồng tiến-sĩ khoa [illegible]au-tuất 1478. Làm quan đến [illegible]ừa-chính-sứ (*Đăng khoa bị [illegible]hảo*, quyển Kinh-bac, tờ 80 a).

21. — Lưu-Hy, người xã Thượng Thanh oai, huyện Thanh-oai, phủ Ứng-thiên, tỉnh Sơn-nam. Đỗ đồng tiến-sĩ khoa mậu tuất 1478 Làm quan đến hiến-sát-sứ (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Sơn-nam, tờ 34 a).

22. — Vương-khắc-Mại, người xã Yên-nội, huyện Ninh-sơn (An-sơn) phủ Quốc oai, tỉnh Sơn-tây. Năm 31 tuổi đỗ đồng tiến-sĩ khoa mậu-tuat 1478. Phụng mệnh chanh sứ sang nha Minh. Làm quan đến tả thị lang, kiêm đô-lục-sĩ. Hưởng thọ hơn 70 tuổi, toàn mệnh mà mất (*Đang khoa bị khảo*, quyển Sơn-tây tờ 36 a).

23. — Ngô-kim-Húc, người xã Hàng-kinh, huyện An-dương, phủ Kinh-môn, tỉnh Hải-dương. Đỗ đồng tiến-sĩ khoa mậu-tuất 1478. Làm quan đến thiên-đô ngự-sử (*Đăng khoa bị khảo* quyển Hải-dương, tờ 72 a). *Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 24 b, chép ông làm quan đến Lại-khoa (bộ) đô-cấp-sự-trung.

24. — Nguyễn-Cần, người xã Đoàn-xá, huyện Trường-tân (gia-lộc), phủ Hạ-hồng, tỉnh Hải-dương. Đỗ đồng tiến-sĩ khoa mậu tuất 1478. Làm quan đến đô-cấp-sự-trung (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Hải-dương, tờ 36 b).

Muốn làm giàu mua vé số

Dông Phap

1p.00 một vé

25. — Phạm-miễn-Lân, người xã Hoa-kiều, huyện Thiên-tài (Lang-tài), phủ Thuận an, tỉnh Kinh-bắc. Đỗ đồng tiến-sĩ khoa mậu-tuất 1478. Tháng chạp năm 1488 sung chức phó-sứ sang nha Minh mừng vua Tàu lên ngôi. Làm quan đến chỉ-huy thêm-sự kiêm đinh-uỷ-sứ. Sinh ra Phạm-chính-Nghị, đỗ đệ nhị giáp tiến-sĩ xuất-thân khoa giáp-tuat 1514 (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 25 a, quyển 2, tờ 12 b; *Đang khoa bị khảo*, quyển Kinh bắc, tờ 121 b ; *Khâm-định Việt-sử*, quyển 24, tờ 6 b - 7 a).

26. — Đào-tiến-Khang, người xã Xuân-đỗ, huyện Gia-lâm, phủ Thuận-an, tỉnh Kinh-bắc. Đỗ đồng tiến-sĩ khoa mậu-tuất 1478. Làm quan đến thừa chính-sứ (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Kinh-bắc, tờ 80 a).

27. — Đỗ-Hựu, người xã Đại-nhiễm, huyện Ý yên, phủ Kiến-hưng, tỉnh Sơn-nam. Năm 28 tuổi (theo *Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 25 a ; *Đăng khoa bị khảo*, quyển Sơn-nam, tờ 101 b, chép là năm 38 tuổi) đỗ đồng tiến-sĩ khoa mậu-tuất 1478. Phụng mệnh đi sứ.

28. — Trần-Sảnh (có âm nữa là Trần-Thảnh, hoặc Trần-Tĩnh), người xã Tam-điệp (Ngọc-lũy), huyện Thạch-hà, phủ Hà-hoa, tỉnh Hà-tĩnh. Năm 48 tuổi đỗ đồng tiến-sĩ khoa mậu-tuất 1478. Làm quan đến chức hiến-giám-sát-sứ, tri sĩ (*Đăng khoa bị khảo*, thu tập trung, tờ 47 a). *Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 25 a, chép ông làm quan đến giám-sát ngự-sử.

(*Còn nữa*)

Ứng hóe NGUYỄN VĂN TỐ

TRA NGHĨA CHỮ NHO

Số 29

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Có cái lọ Tàu cổ, một mặt vẽ người đàn-bà ngồi trên ghế, cạnh có con mèo (chữ nho là *miêu*, quan-thoại đọc là *mao*, đồng-âm với chữ *mạo* là 90 tuổi) và ở trên có mấy con bướm (*điệp*, quan-thoại đọc là *tie*, đồng-âm với chữ *điệt* là 70, 80 tuổi). Mặt bên kia vẽ một người đàn-bà đứng, có người đem biếu quả lựu (biểu-hiệu đông con). Người ta tặng nhau cái lọ vẽ như thế là chúc nhau sống lâu và đông con.

Có lối chấm « ngũ thế đồng đường », người nước ta thường gọi là « ngũ đại đồng đường » : lối ấy vẽ hai ông bà già ngồi, xung quanh con cháu đông ; ông bà cắt cam chia cho lũ cháu bé : ấy là theo điển-tích Vương-hy-Chi. Còn một lối vẽ hai ông bà già ngồi trên và một người nữa cũng nhiều tuổi chạy đến với ông bà như đứa bé con đến với cha mẹ, rồi giả cách ngã : ấy là theo điển-tích Lão-Lai.

Xem như thế thì người Á-Đông thường ước-ao sống lâu và đông con cháu.

Người Tàu thường thêu hoặc vẽ một quả phật-thủ (là biểu-hiệu chữ phúc hoặc chữ phú), một quả đào (thọ) và một quả lựu (đông con) : thế gọi là *tam-đa*. Sự-tích tam-đa ở sách Tàu có chép : « Khi vua Nghiêu đi tuần-thú đến đất Hoa, quan phong-nhân (là quan coi về ruộng đất) ở đất Hoa chúc rằng : « Xin chúc đứng thánh-nhân được phú, thọ, đa nam », nghĩa là giàu, sống lâu và nhiều con. »

Có một kiểu vẽ hay thêu bức *Tam-đa đồ* : một lũ trẻ con đứng xúm lại, một đứa cầm hộp ấn để biểu-hiệu sự làm quan (chữ nho gọi là lộc), một đứa cầm một cái như-ý và bốn đứa đọc sách (phúc), cạnh có một ông già tóc bạc hói chán, tay chống gậy, có một người biếu quả đào. Ông ấy là thọ, trông có thể đoán được ngay.

Còn một lối nữa vẽ một người ăn mặc rất sang-trọng để biểu-hiệu sự sung-sướng hay sự giàu-có, vì tiếng quan-thoại đọc chữ phúc và chữ phú đều là *fou* cả.

Phú (hoặc phúc), thọ, đa-nam là lối thường của người Tàu theo điển tam-đa ; nhưng không phải chỉ có một lối như thế đâu : có lối vẽ ba ông phúc, lộc, thọ, gọi là tam-tiên. Trong lối tam tiên cũng có nhiều kiểu. Ông Thọ thì râu tóc đã bạc, lại hói trán, người ta trông dễ nhận lắm. Còn hai ông phúc, lộc vẽ không nhất định. Ông lộc vừa giàu vừa làm quan, thì có khi vẽ áo lục (vì chữ lục với chữ lộc, tiếng quan-thoại cũng đọc là *lou*), tay cầm cái hốt ; có khi vẽ áo đỏ, tay cầm cái như ý. Còn ông phúc, người Tàu thường vẽ ông ấy ẵm con, lại vẽ bên cạnh một đứa con nữa : phúc đây là phúc đức trong gia-đình, đông con nhiều cháu ; nhưng phúc cũng có khi là giàu và toại-nguyện, thành ra những tò tranh hay pho tượng lắm khi vẽ hay tạc giống ông lộc, vì cũng vẽ áo đỏ, cũng cầm như-ý.

Có cái lọ cổ, bên tả là ông thọ, chấm ông cụ râu tóc bạc trắng, hói trán, tay cầm quả đào, bên cạnh có con hạc ; là biểu-hiệu tuổi thọ ; ở giữa vẽ ông lộc, tay cầm cái như ý, đứng cạnh có con hươu (hươu chữ nho là lộc, đồng âm với chữ lộc là bổng lộc) ; còn bên hữu vẽ ông phúc, đứng với các con cháu, lại vẽ con dơi ở trên sa xuống : dơi chữ nho là phúc, đồng âm với chữ phúc). Lược dịch cuốn Edouard Chavannes, *De l'expression des vœux dans l'art populaire chinois.*

(Còn nữa)

Ứng hòe NGUYỄN VĂN TỐ

Dạy cho đồng-bào Việt-Nam thất học, biết đọc và biết viết chữ quốc-ngữ là giúp cho họ biết cách phụng-sự Quốc-gia. Vậy bổn phận của chúng ta là phải giúp hội Truyền-Bá Quốc-Ngữ.

ĐÃ CÓ BÁN

Một quyển sách mà ai ai cũng nên đọc, dầu là người mạnh, người hồi yên, người bị lao.

BINH HO LAO

những phương pháp ngừa lao, săn sóc người phổi yếu và tiếp dưỡng người bị lao
Giá 4$00

của Bác-sĩ LÊ-VĂN-NGÔN

TỔNG PHÁT HÀNH :

Hànộ : *Hiệu sách Đồng Tây 195 Hàng Bông*
Huế : *Hiệu sách Văn Hòa 29 Maréchal Pétain*
Sa gon : *Nhà sách Nguyễn-khánh Đàm, 12 Rue Sabourain*

Có in 11 bản giấy đẹp hạng Xin hỏi nơi Ông Nguyễn Khanh Đam.

Một kiến giải về

VẤN ĐỀ DỊCH SÁCH

Số 3

ĐỖ-THỨC

DỊCH nôm những tiếng pháp của nhà khoa-học ứng dùng, cần đến từ-vựng, có đủ những tiếng ấy, thì công việc dễ-dàng. Nhưng, dịch-giả có thể tìm một vài phương-pháp giản-dị, vả công việc dù khó khăn, nếu người dịch hiểu ý nguyên-văn, mà chịu khó xếp-đặt từng tiếng, từng câu cho hợp nghĩa, lọt tai thì không ngại những điều ngáng trở. Ta hãy thử xem ít nhiều câu pháp-ngữ trong vài ba quyển sách khoa-học ra mà thử diễn nôm, thì tỏ rõ những nơi thường ngắc-ngứ.

Pháp văn.— Les papillons sont d'élégants insectes, au vol gracieux; leurs quatre ailes sont recouvertes d'écailles et parées le plus souvent des plus brillantes couleurs. Ils butinent sur les fleurs et en aspirent le nectar à l'aide d'une trompe enroulée en spirale. Cette spiritrompe est formée par la soudure de deux mâchoires.

Dịch nôm. — Loài bướm là những sâu nhã-nhặn, bay dịu-dàng bốn cánh có vảy, mà có nhiều màu sặc-sỡ là sự rất thường. Bướm kiếm mồi trên các bông hoa, hút nước nhị hoa với một cái vòi hình xoay-ốc. Cái vòi hình xoay-ốc ấy lập thành ra bởi hai hàm chập liền.

Chú thích. — Bướm là tiếng ta, nên dùng chó ngắn-ngừ, mà chỉ đến đôi chữ hán hồ-điệp. Nếu muốn phổ-thông, thì tiếng bướm, nhiều người hiểu lơn, nhưng tiếng hồ-điệp cũng nên biết, vì nhiều câu thành-ngữ có xen lẫn tiếng ấy, như *giấc điệp*, khiến ta tưởng đến truyện kia của Trang-tử bầy nhẽ cái tâm bất lão, hay hồn bất hủ, mộng đã biến thành ra loài bướm ấy.

Nectar, nghĩa chính là thứ rượu thần-tiên Hy-lạp xưa thường dùng, đây thì chỉ là một chất lỏng ở trong nhị hoa.

Tiếng spiritrompe lập thành bởi hai tiếng ghép lại: spiri: spirale, là hình xoáy-ốc, và trompe là cái vòi. Vậy người dịch có thể dựa vào cỗi-rễ tiếng pháp mà nói cho đúng, là cái vòi-hình-xoáy-ốc. Khi viết ta dùng những vạch nối liền ba vần, vòi-xoáy-ốc, lập thành một tiếng có nhiều vần, chẳng có sự gì mới lạ. Nhiều tiếng khác theo phương-pháp ấy mà dịch hình như không sai.

Pháp văn. — Une chauve-souris au vol dans la demi-obscurité du crépuscule, heure à laquelle elle sort, fait l'effet d'un petit oiseau, mais si on l'examine au repos, on voit quelle en diffère totalement. En effet, elle possède des poils et des mamelles. Donc la chauve-souris appartient aux mammifères.

Ses ailes sont formées par une fine membrane qui s'étend entre les quatre derniers doigts de la main démesurément allongés; de plus cette membrane se soude au corps aux pattes postérieures et à la queue.

Le pouce de la main, les doigts des pattes postérieures sont libres et courts. Ils servent à l'animal à s'accrocher ou à marcher sur le sol.

La dentition est celle des insectivores. Les chauves-souris se nourrissent en effet d'insectes du moins dans nos pays, où elles sont de petite taille.

Dịch nôm. — Một con giới bay trong lúc chập tối, hoàng-hôn, là giờ nó ra, tưởng như một muông chim nhỏ; nhưng nếu người ta xem xét khi nó đậu yên thì thấy khác hẳn loài cầm. Thực thế, nó có lông, có vú; vậy con giơi thuộc về loài có vú.

Cánh nó lập thành bởi một màng da mỏng, căng từ bốn ngón tay sau đốt giải quá độ; vả lại màng da ấy dính liền với thân-thể, với những chân sau, với đuôi.

Ngón tay cái, mấy ngón chân sau thì được thong-dong (không dính vào màng da) mà được ngắn-ngủi, con vật dùng để mà bám chặt và để đi trên đất.

Răng nó là rang loài sâu bọ. Thật vậy, giống giơi bắt sâu bọ để mà nuôi mình, nói hẹp nhất là trong các xứ ta, hình nó bé nhỏ.

Chú thích. — Membrane, chữ hán dịch là bì, cũng như tiếng peau. Nhưng đối tiếng pháp ấy thì nghĩa có khác nhau, một mỏng,

Thống chế Pétain đã nói:

« Sử xanh sẽ xét đoán bản chức vì ta nhận phần trách nhiệm nặng nhất. Nhưng dù làm một chức viên rất nhỏ mà đã lĩnh một phần quyền hành tất phải gánh một phần trách-nhiệm ».

một dầy, quốc-ngữ ta cũng chỉ có một tiếng da, vậy muốn phân-biệt tiếng membrane với tiếng peau thì có thể thêm tiếng màng, thành tiếng ghép màng-da để dịch tiếng mebrane.

Insectivore cứ pháp-ngữ lập thành bởi hai tiếng la-tinh chập lại, nghĩa là ăn sâu bọ ; mà câu theo sau tiếng ấy là : Les chauves-souris se nourissent en effet d'insectes, thì cũng chỉ nói : loài giơi, thật thế, ăn sâu bọ, xem ra tựa nói lắp. Vì vậy nên diễn khác đi là bắt sâu bọ để mà nuôi mình.

Pháp văn. — Observons un de ces mille-pattes qui se cachent sous les pierres et s'enfuient lorsqu'on soulève celles-ci.

Ils ont en avant une tête munie d'antennes et en arrière un assez grand nombre de segments portant chacun une ou deux paires de pattes. Tels sont les caractères de cette classe d'animaux.

Dịch nôm. — Ta hãy xem-xét một trong những con rết ẩn dưới tảng đá, khi nâng lên thì chúng chạy trốn.

Đàng trước chúng có một cái đầu có nhiều râu, đàng sau có khá nhiều khúc, mỗi khúc có một hay là hai đôi chân. Đấy là những dấu hiệu riêng của hạng động-vật ấy.

Chú thích. — Tiếng observer, chữ hán có thể diễn là quan-sát, cũng nghĩa là xem-xét mà thôi.

Un de ces mille-pattes mà dịch là một con rết thì không đúng lắm, vì cứ nguyên tiếng pháp, muốn nói là một trong những con rết ấy.

Pháp văn. — Les embranchements sont divisés en un certain nombre de classes ; les classes sont subdivisées en ordres, les ordres en familles, celles-ci comprennent des groupements qu'on appelle genres. Enfin, tous les individus qui ont entre eux le plus de ressemblances constituent une espèce. (Par exemple : le loup, le renard sont des espèces du même genre).

Dịch nôm. — Những ngành chia ra nhiều hạng ; hạng phân thành nhiều bậc ; bậc chia ra nhiều họ, họ có nhiều chi gọi là loại. Sau hết tất cả những muông-vật có hình dạng tương tựa nhiều nhất lập thành một giống (Ví-dụ chó sói, cáo là những giống cùng một loại).

Chú thích. — Tiếng embranchement dịch là ngành thì đúng vào nghĩa gốc tiếng pháp. Tiếng classe với tiếng ordre cùng nghĩa là lớp, bậc ; tiếng genre với tiếng espèce cùng một ý là loài, giống ; khi dịch nên phân-biệt.

Pháp văn. — Phototropisme de la tige. — La direction de la tige principale n'est exactement verticale que si les conditions réalisées par le milieu extérieur sont identiques tout autour d'elles. Un éclairement inégal modifie cette direction, de telle sorte que la tige se dirige le plus ordinairement vers le côté le plus éclairé. Si on place des plantes jeunes dans un appartement devant une fenêtre, les tiges en voie de croissance s'infléchissent généralement vers la lumière. Le phototropisme est l'action directrice que la lumière exerce sur un organe : la tige se dirigeant vers la source lumineuse a un phototropisme positif.

Dịch nôm. — Thân cây có bản-tính xoay-hướng-về-nơi-sáng. Chỉ khi nào quang-cảnh ở ngoài mà được có những điều-kiện tương-đồng xung-quanh cây thì thân gốc cây mới thật là đứng dọc thẳng thôi. Sáng không đều thì hướng ấy thay đổi, thân cây tự xoay rất thường thường về phía sáng nhất. Nếu người ta đặt những cây còn non trong một căn nhà, trước nơi cửa sổ, thì những gốc cây đang thời sinh trưởng thường nghiêng về nơi ánh-sáng. Thân cây xoay hướng về nơi ánh-sáng như thế là vì ánh-sáng hành-động dẫn hướng cho cơ-quan : thân cây tự nghiêng về nguồn quang-minh là có bản-tính-xoay-hướng về đàng ấy thực sự.

Chú thích. — Tiếng phototropisme cứ cối-rễ pháp ngữ có hai tiếng ghép lại : photo : sáng và tropisme : động-dây. Vậy ta có thể dịch là bản-tính-xoay-hướng về-nơi sáng, lập thành một tiếng mới có nhiều vần, như trên đã nói ; nếu tìm trong tiếng quốc-ngữ hay là hán-tự một tiếng hay chữ mà dịch cho đủ nghĩa, thì hình như rất khó vậy.

Tiếng milieu là xứ-sở, địa-thế, quang-cảnh ; ở bài này dùng 2 tiếng quang-cảnh rất hợp ý.

Nhiều câu tiếng pháp dịch theo thứ-tự từng chữ thì không [illegible] nghĩa. Tỉ-dụ : un éclairement inégal modifie cette direction, nếu cứ dịch là : sự sáng-soi không đều [illegible] thay đổi cái hướng ấy, thì cũng nghe được, nhưng không rõ ràng bằng câu : sáng không đều, thì hướng kia thay đổi.

(*Còn nữa*) ĐỖ THÚC [illegible]

Giá báo

Mỗi số	0$20
1 năm	8 50
6 tháng	4 50
3 tháng	2 35

Công sở giá gấp đôi
Mua báo xin giả tiền trước

Nguyễn-triều Trung-hưng Công-thần

TỐNG PHÚC ĐẠM

NGUYỄN TRIỆU

ĐẠM là người huyện Hương-trà (Thừa-thiên) về dòng-dõi Tống-phúc-Đào và cũng là công-thần từ Triều trước (1).

Đạm tính nết trầm tĩnh và lại có cơ-lược, làm tham-mưu thời vua Duệ-Tôn (2).

Tháng chạp năm Giáp-ngọ (1774) quân Trịnh vào xâm lấn Thuận-hóa, Duệ-Tôn khiến Hoàng-tôn Dương (3) đi trước qua Hải-vân-quan, còn nhà vua thì đi thuyền ra cửa Tư-dung vào Quảng-nam.

Năm sau, ất-mùi (1775) vua trú tất tại Giá-tân, lập Hoàng-tôn Dương lên làm Thế-tử xưng là Đông-cung. Mới được mấy ngày thì Nguyễn văn Nhạc vào đánh, quan quân chống cự không lại. Duệ-Tôn cùng cháu ruột gọi bằng chú là chúa Phúc-Ánh xuống thuyền đi đường bể vào Gia-định, còn Đông-cung Dương thì lên ngả Câu-đê. Lúc bấy giờ Đạm làm chức Trung-dinh giám-quân, đem binh ra chống nhau với quân địch: ngoài thì quân Trịnh đánh vào, trong thì quân Tây-sơn đánh ra.

Sau khi Định-Vương đã vào đất Đồng-nai rồi, Đạm theo Đông-cung ở lại giữ Quảng-nam, sau lại bị quân Tây-sơn bắt được đưa cả về Qui-nhơn.

Tháng 10 năm ấy, Bính thân (1776), Đạm cùng với bọn Nguyễn văn Hòa đem Đông-cung trốn vào đến Gia-định.

Tháng 11 năm ấy, vua Định-Vương họp các quan, nhường ngôi cho Đông-cung, gọi là Tân-chính-vương ở chùa Kim-chương, ngoài thành Gia-định, Đạm và Hoà chịu mật chỉ ra Quảng-ngãi cùng với Đô-thống Sứ là Đặng văn-Phong để khởi binh đánh giặc.

Khi mới ra đến Bồng-sơn thì bị phục-binh của Tây-sơn đổ ra đánh, binh-sĩ tan chạy, Trần văn-Hòa tử-trận.

Đạm chạy thoát được về Phú-xuân.

Đến năm Ất-tị (1785), Đạm nghe tin chúa Phúc-Ánh ở Vọng-các, bèn vượt bể tìm sang với Ngài, song thuyền gặp bão bị bạt phong vào cửa Hạ-uy nước Diến-điện, bị người Diến tình nghi, bắt cầm tù ở đấy. Đạm phải giam chừng một tháng, may làm quen được với một người Tàu. Viết chữ Hán nói chuyện với nhau, nhờ người Tàu nói giúp với Diến hộ, bấy giờ người Diến-điện mới hiểu ra mà tha cho đi. Đạm liền sang được tới đất Xiêm, tìm đến bái-yết Nguyễn-Vương ở Vọng-các, tâu-bày hết sự tình bất-hòa giữa anh em Tây-Sơn, Nhạc và Huệ đánh nhau; xin Ngài quyết đem quân về mà đánh lấy lại thành Gia-định. Vương liền mật sai các tướng chỉnh-bị chiến-thuyền để về Gia-định.

Đêm mồng 1 tháng 7 năm Đinh-mùi (13 Août 1787), vua Nguyễn xuống thuyền về nước. Tháng 9 vào đến cửa Cần-giờ, quân thế đã to lắm.

Đông-định-vương Tây-sơn là Nguyễn Lữ (4) khiếp sợ vô cùng, để Thái-phó Phạm văn-Tham ở lại giữ thành Sài-gòn còn mình thì lui quân về Lạng-phụ (5).

Khi thủy-quân vua Nguyễn vào cửa Cần-giờ, bắt được một chiếc thuyền và sắc thư của bên địch, vua bèn sai Đạm làm trá một bức thư của Nhạc gởi cho Lữ xui giết Phạm văn-Tham và lại sai người giả-tảng đưa lầm cho Tham.

Tham nghi tình, bèn làm phản mà đánh lại Lữ. Lữ phải bỏ chạy về Qui-nhơn, được ít lâu thì mất.

Mồng 4 tháng 8 năm mậu-thân (3-9-1788), vua Nguyễn hạ thành Gia-định lần thứ tư.

Tháng 3 năm Quý-sửu (1793), Nguyễn vương ra đánh Qui nhơn, lưu Đạm cùng với Phạm văn-Nhân ở lại phò Đông-cung Cảnh giữ thành Gia-định. Đạm thi-hành cấm-lệnh rất nghiêm, không từ kẻ thân người quý.

Tháng 3 năm Giáp dần (1794), Đạm theo vua ra cứu thành Diên-Khánh, đến lúc trở về được nửa đường thì mất.

Thời vua Minh-Mạng Đạm được truy tặng là Hiệp-biện-đại-học-sĩ Thiếu-sư tước Tuấn-nghĩa hầu.

(Xem tiếp trang 23)

Đón coi:

Lược xét nguyên nhân sự bại vong của nước Chiêm thành và những ảnh hưởng của người Chiêm mà dân tộc ta đã chịu.

DƯƠNG KỲ

Nguồn gốc Hoa tiên ký

ĐÀO DUY-ANH

Lớp thành chung và trường cao đẳng tiểu học của người Pháp.

NGUYỄN NHÂN

Hút thuốc lá có hại chăng?

Bác-sĩ LÊ VĂN-NGÔN

Vấn đề sáng tác một chuyên ngữ triết học.

LÊ THANH

Vấn đề bình luận

(Tiếp theo trang 13)

này đã : « *vũ trụ có thật chứa đựng một bản thể không? Và nếu có, thì bản thể đó trí óc chúng ta có thể tìm biết được không?* »

Hai câu hỏi ấy chưa trả lời được thì những nhời giải của ta về những vấn đề cựu truyền của huyền học chưa có giá trị gì.

Mà thực ra hai vấn đề đó chỉ là một : muốn biết vũ trụ có thực chứa đựng một bản thể không, ta phải biết rằng cái « biết » của chúng ta có giá trị nào. Vì nếu chẳng hạn chúng ta không thể tìm tới bản thể được, thì dù trong vũ trụ có hay không có một bản thể ta cũng không thể biết rõ. Và khi ấy câu hỏi : « vũ trụ có thực chứa một bản thể không? » là một câu ta không trả lời được.

Trái lại, nếu trí óc chúng ta đủ tài, đủ sức vượt khỏi bề ngoài của sự vật để tìm tới tận bản thể được, thì ta có đủ lý cách để trả lời câu hỏi : « Trong vũ trụ có một bản thể không? và nếu có thì bản thể đó thế nào? »

Như vậy, vấn-đề quan-trọng nhất và cần trả lời đầu tiên là :

« *Trí óc chúng ta có thể tìm biết bản thể được không?* » hay nói một cách khoa-học hơn « *Cái biết của chúng ta có giá trị nào?* »

Trả lời câu hỏi đó tức là phê bình cái biết của chúng ta, hay nói theo các học giả, là bình luận về tri-thức của nhân loại. Bởi vậy vấn đề đó, người ta gọi là *vấn đề bình luận* (problème critique). Cũng nhiều triết gia kêu nó là *vấn đề tri-thức* (problème de la connaissance). Hai tên đó, chúng ta nên nhớ, cùng chỉ một câu hỏi duy nhất, và câu hỏi đó là :

« *Tri-thức của chúng ta đáng giá bao nhiêu?* »

Chúng ta đã thấy vì sao vấn đề bình luận lại là trung tâm của tất cả triết học. Tất cả những vấn đề khác đều xoay chung quanh câu hỏi duy nhất đó, vì chưa trả lời nó được rõ rệt thì người ta chưa dám chắc chắn bước vào những câu hỏi khác.

Nếu nhận kỹ nó hơn một chút nữa, ta lại thấy rằng muốn phê bình cái biết của loài người, ta phải vào trong cái « biết » đó, và tìm xem trí óc loài người « biết » sự vật ra sao. Tìm tòi như thế nghĩa là nghiên cứu về *tâm lý* của loài người, về trí tuệ, về tình cảm, về nghị lực của họ.

Trước khi bàn đến triết học, ta phải giỏi tâm-lý học đã. Và triết học, khi trước nghiêng hẳn về phía tìm biết vũ trụ, thì nay lại nghiêng về tìm hiểu lòng người. *Triết học để ý đến đời sống bên trong*, mà bớt chuyên chú về vũ trụ. Vấn đề bình luận xoay hẳn triết học về một con đường khác. Vì vậy, Kant đã viết :

« Một cuộc phê bình, và chỉ một cuộc phê bình thâu gồm tất cả triết học. Và bình luận thuyết đối với những học phái tầm thường của triết học cũng như thiên văn học đối với chiêm-tinh-thuật vậy ».

***

Phạm-vi chật hẹp của một bài báo không cho phép chúng ta vào sâu hơn trong vấn đề để xét đến nhời giải của từng triết nhân được. Công việc đó chúng ta sẽ bắt đầu từ kỳ sau.

Hiện nay ta cần tóm tắt tất cả những điều ta vừa tìm biết, và ta thấy huyền học gồm có hai vấn đề lớn :

1·) Vấn đề thứ nhất là vấn đề bình luận ;

2·) Vấn đề thứ hai là vấn đề bản thể.

Vấn đề bản thể chỉ có thể đứng vững khi ta cho rằng trí óc người ta có thể tìm biết bản thể được.

Đặt câu hỏi như ở trên ta thấy những câu trả lời có thể xếp thành hai loại lớn :

1·) Một loại cho rằng trí óc ta có thể biết bản thể được, đó là những câu trả lời của tất cả các độc đoán chủ nghĩa (dogmatismes) ;

2·) Một loại nữa cho rằng trái lại, trí óc ta không thể biết được bản thể : đó là câu trả lời của bất khả tri-nghị luận (agnosticismes).

Bắt đầu từ kỳ tới, ta sẽ vào trong những chủ nghĩa đó.

Trước khi chấm hết bài này, ta chỉ cần nói thêm một điều nữa : là những cách biết của trí óc chúng ta, hay nói cho rõ hơn, những cách trí óc chúng ta tìm biết vũ trụ có ảnh hưởng đặc biệt đến câu trả lời của ta.

Cách biết ấy là cách ta suy nghĩ, cách ta lý luận. Bởi vậy, trước khi xét đến giá trị của tri-thức, ta phải xét đến vấn đề luận. Mà những triết nhân nào đã tìm được một cách luận mới chính là những triết nhân đã xoay được triết học về một hướng đặc-biệt. Trong lịch-sử triết học có năm người đã lập được sự nghiệp đó : ấy là Aristote, Bacon, Descartes, Hegel, Bergson. Nhưng thực ra, sự nghiệp lớn nhất chỉ có ba người : Aristote, Bacon, Hegel. Ta sẽ xét đến những phép luận của ba triết gia đó.

NGUYỄN-ĐÌNH-T[illegible]

Kỳ sau :

Nói về phép luận

Aristote — Bacon — Hegel.

MỘT BỨC THƯ HUẾ VỀ

VẤN-ĐỀ QUỐC VĂN

L. T. S. — Chúng tôi tiếp được thư này của cụ Ứng-Trình (Huế) tỏ ý hưởng ứng với Tri Tân về vấn đề « Người Nam cần phải viết đúng tiếng nam ». Trước nhã ý ấy, chúng tôi xin thành thật cảm tạ.

Trong thư, cụ có bàn : Tri Tân nên mở thêm mục « Quốc văn » để đinh chính qui tắc cú pháp và danh từ. Chúng tôi rất hoan nghênh cái cao kiến ấy, và sẽ liệu tính phương pháp làm dần.

Tựu trung chúng tôi có một vài ý kiến dị đồng với cụ thì Hoa Bằng đã mạo muội trình bày ở bài đầu số báo này. Xin cụ lượng thứ và chỉ giáo cho.

Dưới đây, là nguyên văn bức thư của vị lão thành có nhiệt tâm với quốc văn ấy.

ỨNG-TRÌNH

Kính nhà chủ bút,

Đem văn chương mà làm cho nước được vẻ-vang, hạng người ấy, ngày trước có nhiều, đã làm cho Việt-Nam nổi danh là nước văn hiến.

Song văn chương sống theo thời đại, nay thời đại hán học đã qua rồi, thời đại quốc văn lại đến, nhiều nhà đã viết tiểu thuyết, đã viết giáo khoa, viết lối phổ-thông, là lối truyền bá. Duy Nam-Phong và Tri-Tân, có tính-cách khác, báo thì tổ chức danh từ, báo thì đính-chính danh từ, ai đọc báo, cũng đã công nhận cái tôn chỉ của báo.

Báo Nam-Phong đã kết liễu, còn báo Tri-Tân đương mang chức-vụ vào mình thay mặt cho Nam Bắc quốc dân, công nhiên tuyên bố những danh từ đính chính.

Vì tôi mong cho mau thấy công-hiệu, cho nên tôi tiếc, sao trong báo Tri-Tân, không mở ra một mục « quốc văn »; phàm những vấn đề có quan hệ đến quốc văn, đều đăng vào mục ấy, để cho người xem chú ý, mà người viết cũng ưu tâm.

Không phải chỉ riêng tôi, có cái hi vọng ấy, tôi nhớ trong Nam-Phong, ra năm 1932, ông Tản-Đà đã than thở mấy lời : « Văn quốc ngữ ngày nay, sống gởi trên ngọn bút của một ít nhà văn, ai đã đem tấm lòng nhiệt thành, đều mong chấn chỉnh bồi bổ... Song trong buổi mới gây dựng, cầu lấy cái tốt, cái hay, vẫn hiếm lắm. Người viết văn, cũng mới học viết, người xem văn, cũng chưa chắc đã xành, phần nhiều, cứ có sách là xem, không cần cân nhắc câu văn hay dở thế nào, miễn hiểu được chuyện là đủ.

« Vả lại lối viết văn xuôi bằng quốc-ngữ, cũng bắt đầu mới mấy mươi năm, vì hay dở tùy biệt tài của từng người, cho nên mỗi người viết mỗi thể, không có qui tắc để dạy bảo cho nhau được ».

Đọc bấy nhiêu câu, đã thấy cái hi vọng của Tản-đà, hi vọng sao cho quốc văn sẽ có qui tắc.

Cũng vì cái hi vọng ấy, cho nên mấy năm nay, tôi đương viết một bản quốc văn, có qui tắc rõ ràng, song chỉ là qui tắc của một nhà hô-hào ra, chưa phải là qui tắc của quốc dân đã công nhận.

Qui tắc chữ của nước nào cũng vậy, đều lấy quốc dân công nhận làm bằng. Song muốn cho quốc dân có công nhận thế nào, thì tất phải có người dùng ra trước ; dùng ra trước, tức là làm qui tắc ; làm qui tắc, mà không được chính đáng, làm cho quốc dân công nhận lầm, cái trách nhiệm ấy, có phải là tại quốc dân đâu ? chính là ở những tay người dùng ra trước. Thế thì quốc văn mà có nhà đính chính, có nhà kiểm duyệt, như là viện Hàn lâm, cầm quyền phán đoán vững vàng, quốc dân có thể lấy đó làm bằng, nói theo, viết theo, trong văn giới sẽ có qui tắc phân minh, là qui tắc của quốc dân công nhận.

Mới đây, tôi đọc báo Tri-Tân số 86, thấy ông Hoa-Bằng có cải chính những chữ dùng sai, và có giải rằng : *Tiếng Nam ngày nay, đương ở thời kỳ rèn luyện, bổn phận buộc chúng ta, không được viết cẩu thả, làm cho mất nếp, rồi dắt những người sau ta đây, lại đi theo vết lầm ấy* ». Đó, chính là một bài nói về « quốc văn ». Ngày tôi khởi thảo bản quốc văn, tôi vẫn giữ một tôn chỉ ấy, tôi chia ra làm hai mục : cú pháp và danh-từ.

Danh từ, là thu tập những danh từ cũ, và những danh từ mới tạo ra, còn cú pháp, là viết thế nào cho thành câu văn, phần nhiều là nhờ qui tắc về hư tự.

Nói tóm tắt, thì cú pháp, là viết sao cho không có chữ nào thừa, không có chữ nào thiếu, như : *sông Ngân hà*, là viết thừa chữ « hà », như : *cho nên*, mà chỉ viết một chữ « nên », thế là thiếu chữ « cho ». Song làm thế nào

cho quốc dân công nhận : « thế là thiếu, thế là thừa », tất phải nhờ một cơ-quan đính chính.

Nay như báo Tri Tân, mở ra một mục ấy, để đính chính qui tắc cú pháp và danh từ, phàm những qui tắc, đã đăng vào mục quốc van, để gợi mỹ tình của mọi người, như Nam Bắc không có ai dị nghị gì, thế là quốc dân công nhận cái qui tắc ấy.

Những qui tắc của quốc dân công nhận, tức là văn pháp, ai viết không hiệp van pháp, tức là viết sai.

Có như thế, những người viết, ngòi bút không tự do, mà những người đọc, cũng cân nhắc câu van, tự phân biệt thế nào là hay, thế nào là dở.

Ba mươi năm về trước, là ngày quốc ngữ chưa phổ thông, tôi đã có viết quốc ngữ ít nhiều, tuy được công chúng hoan nghinh, song chỉ có lợi riêng, không có lợi chung, vì chỉ tác giả thu được một số tiền, còn độc giả, thì như Tản Đà đã nói trên kia, vì chưa có ai xét đến chỗ tác giả dụng tâm, cho nên đọc văn có qui tắc, cũng như đọc văn không có qui tắc. Nay Tri-Tân là một cơ-quan trọng yếu, không phải ở vào địa vị truyền-bá, mà ở vào địa vị đính chính quốc văn, như tôi đã phô bày, thì có nhiều người sẽ viết, để đăng vào mục quốc van, và có nhiều người sẽ hoan nghinh về mục ấy. Trong văn giới, không có ai nghị luận về quốc văn, cũng như giữa xứ lạ, chưa có đường mòn, mà không có bản chỉ đường, người nào cũng đi tự-do, hễ bước được là đi, thành thử, đi lạc đường, mà không tự biết ; thế mà còn muốn làm vẻ vang cho nước, ai viết cũng tự xưng là quốc văn, hai chữ quốc văn, mà lạm dụng được luôn, thì quốc văn còn có giá trị gì nữa ? Nhà báo, là nhà ngôn luận, thử xét coi có phải vậy không ?

Nay kính

ỨNG-TRÌNH

Thanh-danh của Hàn-lâm viện Pháp

(*Tiếp theo trang 11*)

Ngày hội-nghị thường vào thứ năm mỗi tuần-lễ, vào hồi 3 giờ rưỡi.

Công việc của viện là soạn bộ Từ-điển, chấm các bài thi ở các nơi gửi về tranh giải, ngoài ra còn bầy những cuộc bầu-cử và « hoan-nghinh » các vị trúng-cử. Mỗi năm vào tháng Décembre lại có cuộc hội-nghị công khai. Ngày hôm ấy hội phát thưởng và viên bí-thư vĩnh viễn sẽ đọc một tờ báo-cáo hằng năm.

Sự phong-phú của hội.— Nhờ có trợ-cấp của nhà-nước và những món tiền tặng-dữ của các hội tư, số giải-thưởng một ngày một nhiều: có đến hàng tram giải và tiền thưởng một ngày một lớn, năm 1934 lên tới hai mươi vạn quan, đủ tỏ cái tiếng tăm giầu có mà dư-luận đã gán cho viện, chưa kể những di-sản đồ-sộ như di-sản Chantilly.

Bổng cấp cho các hội-viên. — Sự giầu có nói trên là của Hội chứ không phải của những hội-viên mà tiền nhuận bút thường thường rất đơn-giản. Trước Hoàng-Đế Louis Thập-tứ thường ban cho mỗi buổi hội-nghị, mỗi hội-viên được chừng 800 quan. Số bổng-cấp này đến giữa thế-kỷ thứ 18 lên tới 1200 quan, dưới thời Chấp-Chính : 1500 quan và ngày nay vào khoảng 5000 (1935).

Những cuộc bầu-cử. — Thoạt tiên bầu-cử làm theo cách lựa chọn, nhưng ngày nay bắt buộc phải ứng-cử và có thường-lệ, những người ứng-cử phải yết-kiến một lượt các ông trong viện Hàn-lâm. Tuy nhiên những bậc đại-danh thì thời nào cũng vậy và mới đây cũng vẫn được miễn cái lệ trên. Lệ bầu-cử thì thường lấy đại-đa-số và có khi phải tái-cử nhiều lần.

Những hội-viên trúng-cử. — Danh-giá của một hội-viên trong tòa Hàn-lâm Pháp không cứ chỉ dành riêng cho những văn-sĩ viết được nhiều tác-phẩm giá-trị. Có những vị thực tài họ không cầu xin gì cả ; nhưng cũng có những ngài phải loại ra vì phạm những việc gian-lậu trong nghề văn, can dự đến chính-trị, tôn-giáo hay phạm đến đạo-đức. Vì vậy trên những danh-sách của Hàn-lâm viện Pháp, cái hội bác-học ấy, không có những tên của : Descartes, Pascal, Molière, La Rochefoucauld, Regnard, J.J. Rousseau, Diderot, Beaumarchais, Balzac, Alexandre Dumas père, Théophile-Gautier, Emile-Zola, Alphonse-Daudet, vân vân...

Dẫu chỉ vì cái tài văn chương của mình mà một người ra ứng-cử có thể trúng cử thì cái tài ấy, cũng không lấy gì làm quyết-định. Còn nhiều nguyên-tố giá trị khác nâng đỡ. Bên cạnh cái chân-giá-trị về van-chương, Hàn-lâm viện còn xét đến cái giá trị đơn-giản của từng người. Cho nên thời nào cũng được nhận vào viện những nhà bác-học, những nhà chính-trị, những quan tư-pháp, những binh-sĩ, hay giáo-sĩ mà có khi cái vốn liếng về văn-chương rất mỏng mảnh, nhưng cái tài phán-đo[illegible] cái nhãn-thức, cái uy-thế [illegible] người. Sự biệt-đãi ấy rất hợp thâm-ý của ngay Giáo-chủ Ri[illegible] lieu chỉ muốn giao cái trọng-t[illegible] hướng-dẫn ngôn-ngữ và v[illegible] chương một nước trong [illegible] thượng-lưu xã-hội.

NGUYỄN ĐAN-TÂ

TIỂU THUYẾT LỊCH SỬ

ĐÊM HỘI LONG TRÌ

Số 13

NGUYỄN HUY TƯỞNG

KHI Ái Thi mang thư lại chàng đương nóng ruột về tin tức Quỳnh Hoa và đương bóp trán tìm kế cứu nàng. Đọc thư Quận chúa, chàng bất giác rưng rưng hai hàng lệ, nàng đã tỏ hết lòng ngưỡng mộ của nàng đối với chàng, hoi rõ cảnh ngộ mình, xin vĩnh biệt cùng chàng và trả lại hai bài thơ mà nàng cho là không có quyền giữ. Cuối cùng nàng khuyên chàng nên quyết chí tu thân, rèn luyện văn chương, để ra giúp nước. Bài thơ bát cú của nàng lâm ly sâu sắc, trách duyên tủi phận, mỗi chữ là một giọt lệ, mỗi câu là một tiếng, thở dài, đọc lên như oán như than.

Bảo Kim nén nỗi đau lòng, hỏi chuyện Ái Thi về Quỳnh-Hoa. Con thị nữ kể lại hết cả tình cảnh Quận chúa. Chàng thương hại nàng, thán phục đạo hiếu của nàng, nhưng lại không chịu nàng về chỗ ngu-hiếu quá phục tùng ấy. Tiễn Ái Thi ra cổng, chàng dặn :

— Em về thưa với Quận-chúa rằng a sẽ theo hầu để bảo vệ ngài.

Trở lại thư phòng, Bảo-Kim ngồi phịch xuống một chiếc kỷ thở dài :

— Chúa thực là một người cha tan nhẫn !

Giở xem bài phú Long-trì và ba bài tứ tuyệt tặng Quỳnh-Hoa, lòng chàng choán một nỗi buồn thâm thía :

— Quỳnh-Hoa hỡi, để làm chi những bài vô dụng này ? No còn nghĩa lý gì ở đời nữa ?

Chàng lấy lửa đốt bài phú và ba tứ tuyệt. Chàng ngao-ngán nhìn lửa. Một chốc chỉ còn lại một ít tro khét lẹt. Bảo Kim chua xót nghĩ :

— Thế là hết, Quỳnh-Hoa nàng ơi !

Và chàng không cầm được giọt lệ.

Giữa lúc ấy thì các bạn chàng đến tìm. Hoàng đình Nhiễm nghiêm sắc mặt nói :

— Anh hùng không rỏ lệ bao giờ

Bảo-Kim đứng dậy, mời các bạn vào chơi và nói :

— Tôi cảm thương Quỳnh Hoa, xúc động quá nên khóc, kể cũng là nhục cho một kiếp nam nhi, nhưng thực ra cũng chỉ vì mối tình thâm trọng quá !

Họ lặng thinh, bùi ngùi cho bạn và cho Quận-chúa.

Hồi lâu, Hoàng đình Nghiễm hỏi :

— Việc đã đến thế, nay ta tính sao ?

Bảo Kim :

— Không có lẽ để yên cho ngâu vầy hạt ngọc.

Trần Thành :

— Can chúa thượng.

Hoàng đình Nghiễm lắc đầu :

— Không được. Tuyên phi còn đấy, can chúa thượng vô ích. Nghe đâu các quan cũng có dâng sớ về việc này, nhưng chúa thượng không xét.

Đỗ tuấn Giao :

— Tôi tính không gì bằng đánh thảo cho Quận chúa.

Trần Thành :

— Ý kiến ấy hơn cả. Chỉ tiếc Nguyễn Mại không có đây.

Lưu sĩ Trực :

Nguyễn Mại còn sáu bảy hôm nữa mới ra nhận chức. Vả trông mong gì ? Mình phải chắc ở mình mới được.

Đỗ tuấn Giao :

Chúng mình làm lấy là hơn cả.

Lê bá Hồ :

— Nhưng làm cách nào ? Đám cưới một bà Quận chúa có phải đâu như đám cưới người thường. Không dễ đến gần cô dâu đâu. Các anh nên tính đến nước ấy. Lọt vào hàng quân lính cũng khó khăn lắm :

Hoàng đình Nghiễm :

— Tôi tính không nên đánh thảo ngoài đường, làm loạn phép nước của chúa thượng. Phải vào tận sào huyệt quân giặc mới được.

Cả bọn :

— Vào phủ cậu Trời !

Hoàng đình Nghiễm :

— Chứ sao ? Các anh sợ à ?

Lê bá Hồ :

Sợ thì không sợ, nhưng khó khăn !

Hoàng đình Nghiễm :

— Không khó. Trong lúc cưới người ra vào tấp nập, chúng ta đi lẫn với đám đông, cùng vào phủ cậu Trời, đại náo một phen ra sao, cho nó biết tay học trò Quốc tử giám.

Cả bọn đáp :

— Anh Hoàng hơn tuổi vẫn có hơn.

Vũ Hoành hỏi :

— Tôi không sợ chết. Các anh đi đâu, tôi xin theo đấy. Nhưng việc mình dự định liệu có thành không ? Tôi nghe tên Đặng Lân nổ có hàng trăm linh hầu, đứa nào cũng giỏi võ nghệ, ta có mấy người thì làm ăn gì ?

Trần Thành mắng lại :

— Ai cũng do dự như anh thì việc gì xong được ? Tôi nhất quyết tán thành ý kiến của anh Nghiễm :

Cả bọn :

— Tán thành.

Bảo Kim cảm động vì tòng sốt sắng của anh em. Chàng cũng biết rằng đó là một công việc nguy hiểm, vì phủ Đặng Lân là một tòa lâu đài kiên cố, đường lối hóc hiểm mà

quân gia đầy tớ thì nhiều không biết bao nhiêu mà kể. Biết thế, nhưng phần thì nóng muốn cứu Quỳnh Hoa, phần thì sợ nói ra thì các bạn chê là nhát, Bảo Kim cứ ngồi lặng im, không tán thành mà cũng không phản-đối.

Hoàng đình Nghiễm hỏi :

— Anh Kim tính thế nào ?

— Tôi thì không ngại, vì đó là công việc của tôi Tôi chỉ ngại cho các anh.

Mọi người :

— Anh không phải nói khích nữa.

— Tôi không nói khích, các anh cũng biết tính tôi. Việc ta định làm, phải lắm. Nhưng tôi chỉ e chúng ta bỡ ngỡ. Ta có thể hô hào dân chúng giúp một phần, vì những kẻ bị cậu Trời ức hiếp nhiều không kể xiết. Họ chỉ đợi dịp là hưởng ứng ngay. Nhưng làm thế thì to chuyện quá, chúng ta sẽ mang tiếng là quân phiến loạn, đạo thần tử nhẽ nào lại thế. Tôi tính thế này : cậu ấm Dương tuấn Nghiệp biết rõ ràng đường lối trong phủ Đặng Lân. Từ hôm vợ cậu ta bị Đặng Lân đánh chết cậu ta phiền muộn, chỉ lấy sự uống rượu làm khuây. Ta nên liên lạc với cậu ta, nhờ cậu ta làm hướng đạo, thì công việc sẽ dễ dàng hơn. Anh em tính sao ?

Đỗ tuấn Giao :

— Nên lắm. Nhưng còn việc cứu Quận-chúa thì làm thế nào ?

Bảo Kim đáp :

— Ta sẽ dò xem nàng ở lầu nào. Rồi một người sẽ lấy giây giòng nàng từ trên lầu xuống. Bên ngoài đã có người đợi, ta thuê sẵn một chiếc xe ngựa, vực nàng lên xe, tạm lánh về nhà anh Thành ở làng Mọc, có được không ?

Trần-Thành :

— Sao lại không ? Vậy bây giờ ta cắt việc. Ai vào phủ, ai ở ngoài ? Anh Kim nên ở ngoài, là hơn cả.

(Còn nữa)

NGUYỄN-HUY-TƯỞNG

Vì một cớ riêng, bài « Một giờ với ông Đ. D. A. » không ra được. Xin các bạn đọc lượng thứ.

Phải làm cách nào cho tiếng ta được phong-phú và thuần-túy ?

(Tiếp theo trang 3)

Khi nói về Chu-công là chú Thành-vương, người ta muốn cho độc-giả dễ hiểu những người mình nói đó là hạng nhân vật nào, rất có thể viết: *ông* Chu-*công* đã giúp *vua* Thành-*vương* giữ vững cơ-nghiệp nhà Châu. Thực ra, « công » đã là *ông*, mà « vương » đã là *vua* rồi; nhưng viết thế cũng vẫn không thấy lộ rõ cái thừa ấy lắm.

Vậy xin tùy từng chỗ, tùy từng lúc hãy nên nghiêm khắc về điểm này.

***

Nói tóm, ngôn-ngữ văn-tự nước nào cũng vậy, những tiếng đã được đại-chúng điểm-hóa làm cho thông-dụng, thì dù có biến chuyển đến đâu cũng vẫn được người ta thừa nhận và ứng dùng.

Ngày nay chúng ta cần làm những công việc này :

1·) Đối với những tiếng chưa thông dụng mà sai lầm, cần phải đính-chính lại ngay cho khỏi xuyên tạc.

2·) Đối với những tiếng cố-hữu của ta, nếu không vì một cớ bất đắc dĩ nào, đừng nên làm cho chúng mất tính-cách tự-nhiên của việt-ngữ.

3·) Đối với những tiếng ngoại-lai, trừ khi nào cần dùng cho được việc thì hãy nên dùng, chứ đừng lạm-dụng trong văn-chương làm cho việt-văn sa vào cái nạn không thuần-túy.

Còn những danh-từ các chuyên khoa, công-việc chế hóa ấy xin nhường các nhà chuyên-môn trong các nhành khoa-học.

HOA-BẰNG

Tông phúc Đạm

(Tiếp theo trang 18)

Tông Phúc-Đạm tính rất nghiêm trọng, khi vui lúc giận không bao giờ tỏ ra sắc mặt cả. Trải lắm phen gian-nan vất vả mà vẫn chẳng ngã lòng ; bàn mưu giúp kế cũng được nhiều điều bổ-ích. Song có tính nhát sùng : mỗi khi đem quân ra trận, giàn-xếp và chỉ bảo phương-lược cho tướng sĩ đâu đấy rồi thì Đạm xuống ngồi ngay trong cái hầm đã đào sẵn ở sau mặt trận, đợi đến khi tan cuộc giao chiến, giặc lui rồi mới ra.

Tuy nhiên, hiệu-lệnh rất nghiêm, tướng sĩ rất sợ, nên không mấy khi bại trận.

NGUYỄN TRIỆU

---

(1) Phỏng theo Đại Nam Chính-biên liệt truyện quyển 8 tờ 32

(2) Duệ-tôn tức là Định Vương Nguyễn phúc-Thuần (1754 1777).

(3) Hoàng tôn Dương là con Thế tử Phúc Hiệu. Phúc-Hiệu là con thứ 9 Võ Vương song đã mất sớm từ năm 22 tuổi là năm Canh-thìn (1760)

(4) Tháng 9 năm Đinh mùi (Octobre 1787) Nguyễn Nhạc tự xưng Đế Trung ương hoàng-đế ở Qui nhơn, đổi niên hiệu là Thái-đức và phong cho hai em là Huệ làm Bắc-bình Vương ở Phú Xuân và Lữ làm Đông-định Vương ở Gia định

(5) Thuộc Bến hòn.

Diễn-thuyết ở nhà Xéc Đồng Đạo Hà-đông

Đến tối thứ-tư 14 avril 1948 này, hồi 20 giờ, ông Hội-Thống Vũ-van-Lợi, Tham-tá ngạch Tòa Sứ Bắc-Kỳ, sẽ nói chuyện ở Câ[illegible] lạc bộ Đồng Đạo (Hà-đông) về :

« NGUYỄN DU và một nghệ-th[illegible] sống ở đầu thế-kỷ thứ mười chí[illegible]

Sau cuộc nói chuyện, có [illegible] danh-ca Bạch-Liên ngâm Kiều [illegible] ca hát.

Sách của thư-xã

Alexandre de Rhodes

ĐÃ XUẤT BẢN

Thơ Ngụ ngôn La Fontaine

Bản dịch của ông NGUYỄN-VĂN-VĨNH, có cả Pháp văn đối chiếu.
150 trang đều có tranh ảnh của MẠNH-QUỲNH
Bìa 3 màu, khổ 17×23.
Bản thường 1$00 — Bản giấy Đại La 5$00

KIM-VÂN-KIỀU, tome I

Bản dịch và chú thích của ông **Nguyễn-văn-Vĩnh**
350 trang khổ 17×23
Bản thường 2$00 — Bản giấy Vercé bouffant 7$00

Lược-khảo Việt-Ngữ

của ông **Lê-văn-Nưu**
Ngot 100 trang khổ 12×17
Bản thường 0$50 — Bản giấy giò 4$00

—*—

Sắp xuất bản, vào đầu tháng Avril

LE PAYSAN TONKINOIS

à travers le parler populaire

Bản Pháp văn của ông PHẠM-QUỲNH
100 trang, có tranh ảnh của MẠNH QUỲNH
Bìa 2 màu, khổ 17×23
Bản thường 0$80 — Bản giấy Đại la 5$00

Tổng phát-hành **Mai-Lĩnh**

21 Rue des Pipes Hanoi

NGÔ TẤT TỐ

THI VĂN BÌNH CHÚ

QUYỂN THỨ—I : 1$20

QUYỂN THỨ II : 1$50

Đã xuất-bản trong « Tủ sách Tao-Đàn »

Một bộ sách văn học có giá trị họp tập được hết tất cả những bài văn thơ có giá trị từ thế kỷ XV đến thế kỷ XIX. Bình chú rất công phu. Sách in cực đẹp.

ĐÃ CÓ BÁN : **ĐÀO-DUY-ANH**

TRUNG-HOA SỬ CƯƠNG

(Từ đời thái-cổ đến ngày nay, quyển sách đầu tiên viết bằng quốc-văn về lịch-sử Trung-hoa là nước văn-minh xưa nhất Á-đông và đã làm thầy văn hóa cho nước ta trong gần hai mươi thế kỷ). Giá bán : 3$00

VĂN-HÓA

29, Marechal Pétain — Huế

Đã có bán

NHÂN LOẠI tiến hóa sử

của

BÁCH - KHOA

Dày trên 200 trang — Giá 1$80

Đang in

GỐC TÍCH LOÀI NGƯỜI

của Giáo Sư **Nguyễn-đức-Quỳnh**

Đó là 2 cuốn Nghiên cứu mở đầu cho một bộ sách đồ sộ mà ai cũng phải đọc để hiểu mình là gì.

HÀN THUYÊN PHÁT HÀNH

Tổng Đại-lý SAIGON CHỢ LỚN : Hiệu sách **Xưa Nay**, 62 Bonnard — Saigon

REVUE TRI TÂN Autorisée par arrêté du 8 Février 1941 de M. Le Gouverneur Général
Directeur : Nguyễn-Tường Phượng Administrateur Gérant : Dương Tự-Quán
Imp. Tri-Tân — 70, Bạch-Mai Hanoi